FIRE - RESCUE - SAFETY CATALOG

CỨU HỎA CỨU HỘ BẢO HỘ

CỨU HỘ

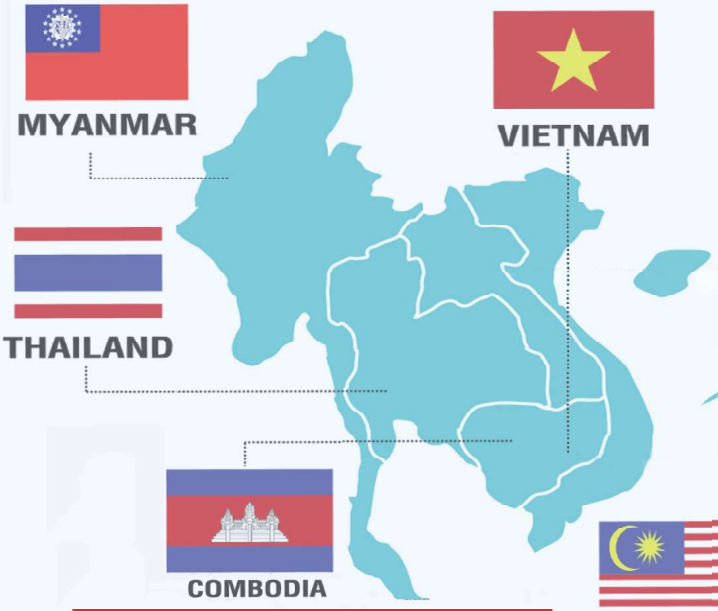

CỨU HỎA

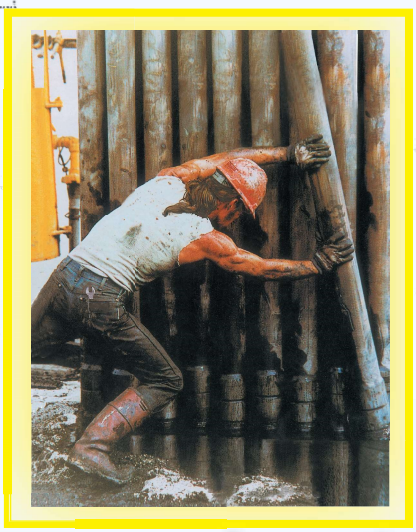

BẢO HỘ

EIS

PACIFIC AND FIRE AEC Co., Ltd.
Tel. 0-2038-5840-41 Fax.0-2886-7585 www.pacificandfire.com

CENTURY TRANG PHỤC CHỮA CHÁY TIÊU CHUẨN EN 469

RS CENTURY

Trang Phục Chữa Cháy Cùng Trang Phục Cứu Hộ

- Áo, quần, dây bảo hiểm, mũ, giày, bao tay.
- Size M-XL cùng mũ trùm đầu và D-RING
- Có túi áo hai bên cùng túi đựng máy bộ đàm
- Quần có dây đeo và dây an toàn.
- Có viền phản quang trên áo và quần
- Khóa áo và quần bên trong là zip bên ngoài là VELCRO.

VẢI LOẠI DÀY 3 LỚP

- Lớp ngoài là vải NOMEX ADVANCE
  Lớp giữa là vải PTFE/NOMEX
  (loại thông hơi)
  Lớp trong là vải mền NOMEX
- Bộ dây an toàn cùng D-RING dùng để thoát hiểm.
- Có túi cùng dây tùy chọn trọng lượng nhẹ 8,7 kg.
- Chứng nhận tiêu chuẩn EN 469 : 2007
  CE 0197 và ISO 9002

TRANG PHỤC CHỮA CHÁY MỚI CỦA THẾ KỶ

RS CENTURY

FS CENTURY

(MAHERO 06112)

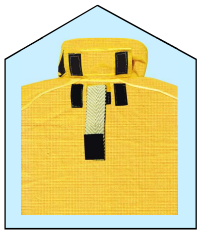

DRD (Drag Rescue Device)
phần sau làm bằng KEVLAR

NEW FEATURES

Cập nhật mới đối với dòng CENTURY
Có màu tùy chọn, màu cam hoặc vàng
Quần có túi hai bên 2 túi trái – phải
Có túi bên trong 3 túi áo 2 túi và quần 1 túi
Viền phản quang nhãn hiệu 3M (Triple trim)
Lớp lót trong dễ dàng tháo gỡ và lắp ráp với zip.

LIGHT WEIGHT
FULL PROTECTION
HIGHEST VALUE

TRỌNG LƯỢNG NHẸ
CHỐNG NÓNG TUYỆT ĐỐI
SỬ DỤNG VẬT LIỆU HIỆN ĐẠI
CHẤT LƯỢNG CAO
GIÁ CẢ PHÙ HỢP

TRANG PHỤC CHỮA CHÁY CHỐNG NÓNG TUYỆT ĐỐI

- Áo, quần, mũ, giày, bao tay
- Áo dài 95 cm cùng mũ trùm đầu
- Có túi áo hai bên cùng túi đựng máy bộ đàm
- Quần có dây đeo
- Khóa áo và quần là zip bên trong, bên ngoài là VELCRO
- Có viền phản quang trên áo và quần

Là loại vải dày 3 lớp

- Lớp ngoài là vải NOMEX ADVANCE
  Lớp giữa là vải PTFE /NOMEX
  (loại thông hơi)
  Lớp trong là vải mền NOMEX
  Trọng lượng nhẹ 7,3 kg
- Chứng nhận tiêu chuẩn EN 496 : 2007
  CE 0197 và ISO 9002

FIRE

F1

CHỮA CHÁY

EAGLE SERIES TRANG PHỤC CHỮA CHÁY TIÊU CHUẨN NFPA

Gía cả hợp lý, phù hợp với tất cả các công việc

EAGLE II
(MAHERO 08113)

Áo, quần , mũ, giày, bao tay
HOOD (mũ trùm đầu) là phụ kiện gồm
các kích cỡ M, L, XL, FREE SIZE tuỳ chọn
áo có túi để gắn radio trước ngực, bên trong áo có hai túi.
quần có túi hai bên, đầu gối được may 2 lớp vải.
Áo và quần được đóng 2 lớp, bên trong là dây kéo,
bên ngoài là VELCRO
Trên áo và quần có viền phản quang loại 3M (Trimple trim)

Trang phục được may 3 lớp vải

- lớp ngoài là vải NOMEX III A 7.5
- lớp giữa là vải PTFE / NOMEX
- lớp trong là vải mền NOMEX / FR. VICOSE
- lớp lót trong tháo rắp dễ dàng với dây kéo
- trọng lượng nhẹ 7.0 kg
- sản xuất theo tiêu chuẩn NFPA 1971 – 2007
  tiêu chuẩn 469 2007
  CE 0197 và ISO 9001 : 2008

DRD (Drag Rescue Device) mặt sau được làm từ KEVLAR

SET tiêu chuẩn bao gồm áo và quần loại EAGLE II
cùng mũ loại 1500 – 2000F hoặc

áo và quần ghép vào nhau loại EAGLE I cùng mũ loại
1500 – 2000R vàbao tay chữa cháy loại FIRE MAN VI

* Giày chữa cháy loại 9687L

EAGLE I
(MAHERO 08113)

Bộ quần áo chữa cháy loại EAGLE II
màu vàng (có trong kho)
mũ cứu hoả nhãn hiệu SICOR loại 2000 EURO
HOOD loại 3018285.

Bộ quần áo chữa cháy loại EAGLE II
màu đỏ (có trong kho)
mũ cứu hoả nhãn hiệu SICOR
loại 2000 EUROSTYLE
HOOD loại 3018185 – SF.

Bộ quần áo chữa cháy loại EAGLE II
màu hải quân(loại hàng đặc biệt)
mũ cứu hoả loại 1500 – 2000 F
HOOD loại 3018185 – SF.

FIRE

F2

CHỮA CHÁY

FIRE SUIT ACCESSORIES

TRANG PHỤC CHỮA CHÁY LOẠI TIÊU CHUẨN VÀ LOẠI ĐẶT HÀNG ĐẶC BIỆT

LOẠI TIÊU CHUẨN STANDARD FEATURES

Khóa điều chỉnh kích cỡ vòng eo.

Vải NOMEX giữ cổ tay và chỗ xỏ ngón tay cái

Lót da hoặc vải KEVLAR ở đầu gối

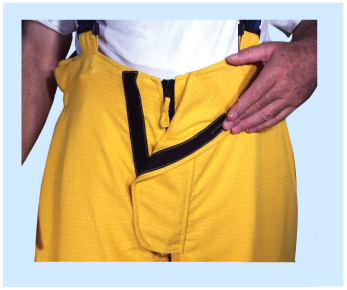

Áo và quần có khóa 2 lớp, bên trong là zíp, bên ngoài là VELCRO

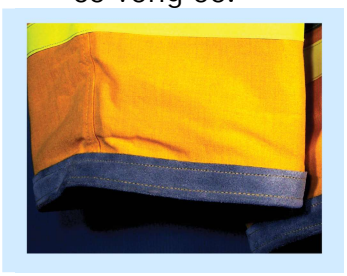

Có may da ở cuối cổ tay áo, cuối ống quần và túi áo

Áo và quần làm bằng vải 3 lớp, lớp giữa kiểu vải thông hơi

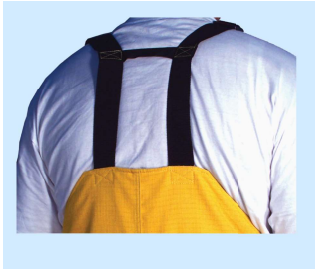

Yếm kiểu chữ H có thể điều chỉnh và tháo gỡ nhanh

SIZE CHART – BẢNG KÍCH CỠ TRANG PHỤC CHỮA					
Kích cỡ trang phục (cm)	XXL	XL	L	M	S
Độ dài áo	90	88	86	83	80
Vòng ngực	144	138	132	126	120
Kích cỡ vòng cổ áo	54	53	52	51	50
Độ dài tay áo	65	63	59	56	54
Kích cỡ vòng eo	131	125	118	114	108
Độ dài ống quần	106	104	102	101	99
Độ dài từ dái tới chân quần	72.5	71	70	69	67

Lưu ý : Kích cỡ XL, L & M là kích cỡ có dự trữ trong kho.
Kích cỡ XXL & S là kích cỡ phải đặt hàng theo ĐƠN.

EAGLE II
(MAHERO 08113)

Tặng túi đựng trang phục chữa cháy.

ĐẶT HÀNG ĐẶC BIỆT
SPECIAL ORDER

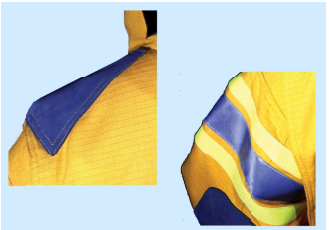

Lót da hoặc vải vùng vai hoặc cùi chỏ , có thể đặt may như ý muốn

FIRE

F3

CHỮA CHÁY

TRANG PHỤC CHỮA CHÁY NHÃN HIỆU QUAKER

XEM THÊM CHI TIẾT TẠI "TOTAL CARE"

3 LAYER.
Trang Phục Chữa Cháy Dùng Trong Tòa Nhà

- Áo, quần, mũ, bao tay, giày
- Kích cỡ M,L,XL
- Loại trang phục có túi 2 bên áo và quần.
- Trang phục tiêu chuẩn NFPA có túi 2 bên áo hoặc quần
- Khóa áo và quần bên trong là zip, bên ngoài là VELCRO
- Có viền phán quang trên áo và quần Là loại vải dày 3 lớp
- Lớp ngoài là vải NOMEX
- Lớp giữa là vải STEDAIR 3000 (loại thông hơi)
- Lớp trong là vải mền NOMEX
- Trọng lượng nhẹ 7,3 kg
- NFPA 1971 – 2013

NFPA 1971- 2013

QUAKER NFPA

NOMEX IIIA / STEDAIR 3000 / D9

Lớp chống hơi nước

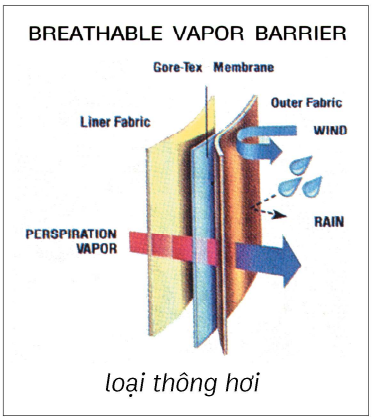

loại thông hơi

BẢNG SO SÁNH LOẠI VẢI LỚP NGOÀI KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM / HEAT TEST

Loại vải lớp ngoài	flame/ngọn lửa	heat/sức nóng
NOMEX III A	17	22
NOMEX DELTA-T	18	22
KERMEL HT	23	24
FR WOOL	45	45
NOMEX ADVANCE	23	24

* Tiêu chuẩn > 13 giây FLAME/ngọn lửa @ 80 kw/h
Tiêu chuẩn > 22 giây HEAT / sức nóng xuyên qua với bức xạ nhiệt @ 80 kw/h

STANDARD TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ

NFPA tiêu chuẩn trang phục chữa cháy trong tòa nhà
NFPA 1971 – 2013 áo, quần, mũ, bao tay, giày, HOOD
NFPA 1971 – 2007 áo, quần
NIOSH – NATIONAL INTITUTE OF SAFETY & HEALTH
MSHA – MINE SAFETY & HEALTH ADMINISTRATION
** lưu ý : Tiêu chuẩn và chứng nhận tiêu chuẩn theo trang phục đã được sản xuất 3rd PARTY TESTING AGENCIES HIỆP HỘI CHỨNG NHẬN TIÊU CHUẨN
UL – UNDERWRITER'S LABORATORIES
SGS GROUP TESTING LABS.
US CERTIFIED – TESTING LABS
SEI – SAFETY EQUIEPMENT INSTITUTE
EUROPE AND ENGLAND – tiêu chuẩn về trang phục chữa cháy của liên minh châu âu và Anh quốc.
EN 469 : 2017 áo và quần chữa cháy dùng trong tòa nhà
EN 345 : giày chữa cháy
EN 443 : Mũ cứu hỏa
EN 659 : Bao tay chữa cháy
EN 943 : trang phục chống hóa chất
** LƯU Ý CE là ký hiệu chứng nhận tiêu chuẩn.

FIRE HELMETS MŨ CỨU HỎA

Mũ Cứu Hỏa Theo Tiêu Chuẩn NFPA

Là mũ bảo hiểm dành cho nhân viên bình thường, với cấu trúc được làm từ nhựa FIBER GLASS trong loại TC1 và nhựa cứng THERMO PLASTIC trong loại 1500 – 2000 cùng với tấm chắn cách nhiệt chiều rộng 4.5 inch, có vải NOMEX che phần cổ, có nút điều chỉnh kích cỡ của mũ để siết chặt khi đội vào cùng dây đeo cằm.

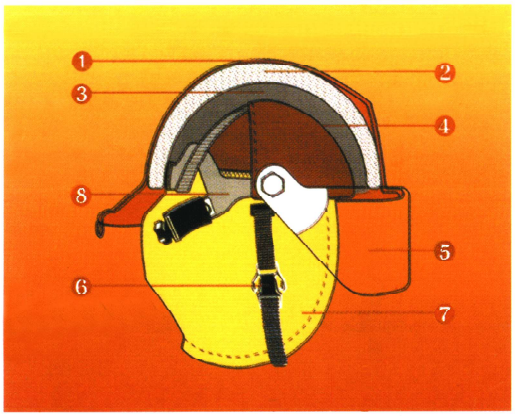

1. Cấu trúc mũ được làm từ nhựa FIBER GLASS hoặc nhựa cứng.
2. Tấm xốp giảm sốc
3. miếng lót bên trong mũ
4. miếng lót đầu
5. Tấm chắn rộng 4.5 inch
6. Dây đeo cằm điều chỉnh tùy thích
7. miếng vải NOMEX che phần cổ
8. Nút điều chỉnh kích cỡ mũ.

Tiêu chuẩn NFPA
1971 – 2013 và
ISO 9001 – 2008
loại 1500 – 2000F
First Due Contemporary
PHENIX PH 083113 – 1 REV.A
kiểu vành xung quanh
Cấu trúc làm từ THERMO PLASTIC
toàn bộ

Loại ACAT mắt kính chữa cháy

Tiêu chuẩn NFPA
1971 – 2008
loại 1500 – 2000R
First Due Contemporary
PHENIX PH 083113 – 1 REV.A
cứu hỏa và cứu nạn.
Cấu trúc làm từ THERMO PLASTIC
toàn bộ, vành mũ ngắn

Loại TC1 mũ cứu hỏa theo kiểu truyền thống.
Cấu trúc được làm từ FIBERGLASS toàn bộ cùng
mắt kính bảo hộ được lựa chọn theo kiểu điều chỉnh lên – xuống.

LA SERIES

Mũ bảo hiểm theo yêu cầu dành cho nhà máy đô thị, tình nguyện viên

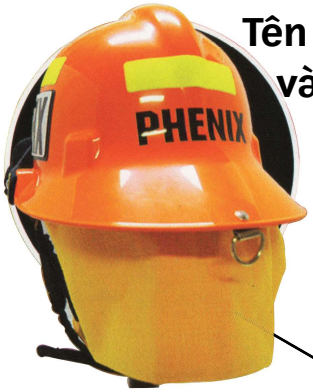

Tên đề can bằng nhựa VINYL và vòng chữ D

Bảng chữ phản quang báo cháy

Kính áp phích NFPA hoặc mặt nạ bảo vệ mặt (không hiển thị)

Hệ thống bảng chữ và chữ in phản quang

Nút đóng/mở linh hoạt ESS hoặc phụ tùng đính kèm tiêu chuẩn.

Dây quai mũ NOMEX , tháo rắp nhanh hoặc kết hợp hoặc dây đeo cằm kết hợp chất liệu da

Vải che tai có thể tách rời hoặc vải che bụi NOMEX và FR COTTON

PHENIX TECHNOLOGY INC.

MŨ CỨU HOẢ KIỂU CHÂU ÂU

Nhãn hiệu SICOR loại VFR 2009 PRO – TX

Được cấu tạo bởi Composite(nhựa chịu nhiệt độ cao và KEVLAR)
Mặt trước màu vàng ròng với mắt kính bên trong có thể điều chỉnh lên - xuống
Dây đeo cằm có thể điều chỉnh để siết chặt từ hai bên
Điều chỉnh kích cỡ bằng nút điều chỉnh + miếng đệm lót dây đeo cằm và vải lót bên trong
Viền phản quang hiện đại , trọng lượng nhẹ 1.5 kg
Theo tiêu chuẩn EN43 : 2008 + Mặt nạ theo tiêu chuẩn EN 14458/2006.

Đèn pin được sử dụng chung với mũ SICOR.

Phụ kiện
có thể lắp đèn pin
dành cho mũ
loại SICOR VFR 2009

Phụ kiện :
có thể lắp đèn pin
dành cho mũ
loại SICOR VFR 2000

Đèn pin chống nổ tiêu chuẩn FM.
PELICAN 3315
kiểu rắp với mũ (3 – AA)

Nhãn hiệu SICOR loại VFR 2000

Được cấu tạo bởi Composite(nhựa chịu nhiệt độ cao và KEVLAR)
Mặt trước màu vàng ròng với mắt kính bên trong có thể điều chỉnh lên - xuống
Dây đeo cằm tuỳ chỉnh độ siết.
Điều chỉnh kích cỡ bằng nút điều chỉnh, viền phản quang hiện đại, trọng lượng nhẹ 1.4 kg
Theo tiêu chuẩn EN 443 + Mặt nạ theo tiêu chuẩn EN 166.

Màu tuỳ chọn.

Màu trắng
Màu vàng
Màu cam
Màu đỏ

FIRE SUIT ACCESSORIES PHỤ KIỆN CHỮA CHÁY

Giày chữa cháy theo tiêu chuẩn EN 15090 và NFPA 1971 – 2013

HARVIK
loại 9687 LEN
EN 15090 C
cao 15 inch

HARVIK
loại 9679
NFPA 1971-2013 E
cao 16 inch
cách điện 18 kv

Tay cầm dành cho tất cả các loại

lớp da ngoài được làm từ cao su tổng hợp chống chất hoá học, cách nhiệt, chống dầu mỡ và cách điện tấm cách điện KEVLARloại 9679

Tấm cao su giảm sốc cách điện tới 18 kv, tấm lót chân chống trơn, chống dầu mỡ

Mũi giày lót sắt trong tất cả các loại

Đế trong được lót sắt toàn bộ

Đế dưới ngắn, giảm trơn trong tất cả các loại

FIRE FIGHTING COATS

ÁO CHOÀNG CHỮA CHÁY LOẠI DÀI 40 VÀ 50 INCH

EAGLE III

Loại EAGLE III dài 40 inch dạng 2 lớp.
- Lớp ngoài bằng vải NOMEX III A
- Lớp trong bằng vải NOMEX / FR Viscose
- Có viền phản quang ở ngực và cánh tay áo.

Loại EAGLE IV dài 45 inch dạng 3 lớp.
- Lớp ngoài bằng vải NOMEX III A
- Lớp giữa bằng vải E – 89
- Lớp trong bằng vải NOMEX / FR Viscose
- Có viền phản quang ở ngực và cánh tay áo.

Giày dạng ủng
Dạng ủng cao 15" **loại 9687L**

ÁO CHOÀNG CHỮA CHÁY
loại dài 40 và 45 inch
Theo kiểu có chi tiết như sau :
Mũ cứu hỏa BSP 1500 – 2000F
Bao tay chữa cháy FIREMAN VI
Hood mũ trùm đầu.

EAGLE IV

FIRE SUIT ACCESSORIES PHỤ KIỆN TRANG PHỤC CHỮA CHÁY

Mũ trùm đầu chữa cháy tiêu chuẩn NFPA

BEST SELLER

- Được sản xuất 2 lớp
- Lớp trong là vải mịn theo đường cong hình vai
- SF (SURE FITTM) kiểu mới
  để vừa vặn với khuôn mặt và có độ đàn hồi
- Viền bằng cao su đàn hồi kích cỡ ½ inch
- Tiêu chuẩn NFPA 1971 – 2013
- HOA KỲ

NOMEX
Loại
3018185-SF

NOMEX
Loại
3038185

Loại	Màu	Độ dài	NFPA
3018185-SF	trắng	18 inch	⁄
3038185	trắng	21inch	⁄
3018285-SF	nâu	18 inch	⁄
3108185	trắng	15 inch	

PBI KEVLAR
Loại
3018285-SF

NOMEX
Loại
3108185

Bao tay chữa cháy tiêu chuẩn NFPA và EN

Làm từ da nguyên chất vải đàn hồi KEVLAR 2
lớp có kích cỡ M, L, XL * CỨU HOẢ * CỨU NẠN

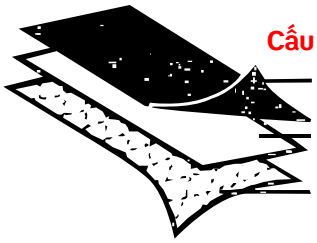

Cấu tạo của bao tay

Lớp trong
cách điện / cách nhiệt
(da bò hoặc KEVLAR)
Lớp giữa
chống thoát hơi nước và vi khuẩn xâm nhập
Lớp trong
kiểu mền cách nhiệt.

Loại 7888 HYSAFETY 3 lớp
tiêu chuẩn 1971 – 2013 (SEI-Cert)

Loại HONEYWELL GL – 7500 3 lớp
tiêu chuẩn 1971–2013 (SEI Cert)

Loại EURO VI 3 lớp
(MAHERO FG 04201)
tiêu chuẩn EN 659–2008 & CE
cùng viền phản quang

CHEMICAL PROTECTION SUIT
TRANG PHỤC CHỐNG HÓA CHẤT

- Bao tay và giày nằm trong bộ trang phục chống hóa chất
- Sử dụng chung với thiết bị trợ thở loại PSS 5000
- Có hệ thống lưu thông không khí bên trong trang phục

Loại Team Master PRO

- Bảo vệ khỏi khí độc và hóa chất độc hại trong khoảng 5 giờ đồng hồ
- Trang phục trùm cả người của nhân viên.
- Vật liệu là loại vải 4 lớp nhãn hiệu HIMEX.
- Chịu sức nóng lên tới 9000C và không bắt lửa tiêu chuẩn PREEN 943.

ÁO NÉN KHÍ LẠNH

Sử dụng chung với trang phục chống hóa chất Mặc chung với bộ thiết bị trợ thở SCBA cùng với áo không tay (vest) làm từ vật liệu không bắt lửa và túi nén lạnh.

Dräger

CHEMICAL SUIT LEVELS

LEVEL A : Dùng để bảo vệ khỏi khí ga độc và hóa chất độc hại, là loại trang phục kín khí phải dùng chung với thiết bị trợ thở.

LEVEL B : Dùng để bảo vệ khỏi hóa chất độc hại, phải dùng chung với thiết bị trợ thở.

LEVEL C : Dùng để bảo vệ khỏi hóa chất dạng lỏng, phải dùng chung với thiết bị trợ thở hoặc thiết bị lọc khí.

PACIFIC FIRE AEC

DUPONT® The miracles of science™

Trang phục chống hóa chất nhãn hiệu NEESE LEVEL C

loại TUFFWEAR 275 (dạng trùm cả người) làm từ vải 3 lớp, lớp giữa là sợi chất xơ ni-lông, lớp trong và ngoài là cao su POLYURETHANE chịu được hóa chất, đường may kiểu đôi và được dán keo chống thấm chịu sự ma sát và kéo rách. Tiêu chuẩn chống bắt lửa theo NFPA – 701, chống axít, chất kiềm, dầu và dung môi.

Trang phục chống hóa chất nhãn hiệu DUPONT LEVEL A

Làm từ vải TYCHEM bảo vệ khỏi hóa chất dạng lỏng và bay hơi, có giới hạn sử dụng khoảng 5 năm.

Bảo vệ khỏi các hóa chất dạng lỏng và bay hơi nhiều hơn 40 loại và lên đến 8 giờ.

Dùng chung với thiết bị trợ thở SCBA hoặc máy bơm hơi (là trang phục trùm cả người)có bao tay cao su và vớ trùm chân nằm trong trang phục chống hóa chất cùng với bộ KOOL VEST (bộ làm lạnh bên trong trang phục) giày SAFETY với mũi giày bằng sắt, mũ bảo hiểm và túi đựng.

Dräger

SCBA LOẠI PSS 3000 VÀ PSS 5000
THIẾT BỊ TRỢ THỞ DẠNG NÉN KHÍ LOẠI ĐEO VAI

Tiêu chuẩn EN 137 & 136

Mặt nạ dùng được cho mọi khuôn mặt
Vật liệu là E.P.D.M có hệ thống khuếch đại âm thanh

Mặt nạ FULL MASK loại PANORAMA NOVA

- Dạng trùm cả khuôn mặt, có duy nhất một kích cỡ vừa với tất cả mọi khuôn mặt.
- Cạnh của mặt nạ là cao su silicon 2 lớp
- Làm từ vật liệu E.P.D.M chịu được nhiệt độ và hóa chất tốt.
- Mặt nạ là hệ thống POSITIVE PRESSURE.
- Mặt nạ có hệ thống khuếch đại âm thanh (SPEECH DIAPHRGAM)

Dụng cụ đeo vai (BACH PLATE)

- Trọng lượng nhẹ làm từ vật liệu cacbon
- Chống hiện tượng nhiễm điện
- Dây thắt lưng làm từ KEVLAR thắt vai , eo và bình khí.

Thiết bị trợ thở

- Có bộ điều chỉnh áp lực khí
- LDV (LUNG DEMAND VALVE) là loại thiết bị bơm khí đều đặn
- Tiện lợi trong việc nối và tháo gỡ khỏi mặt nạ.
- Có đồng hồ đo áp lực dạng phản quang.

Bình khí
Vật liệu CACBON COMPOSITE
Thể tích bình 6,8 lít, áp suất khoảng 300 bars có khoảng thời gian sử dụng 45 phút

Bình khí

- Làm từ vật liệu CACBON COMPOSITE
- Thể tích bình 6,8 lít áp suất 300 bars có thời gian sử dụng 45 phút

PSS 3000

- Là mộ bộ gồm mặt nạ, bộ đeo hệ thống trợ thở và bình khí.

PSS 5000

- Có dụng cụ đủ bộ như PSS 3000 cùng dây đeo lót vai, đậm bao bọc và bộ dụng cụ bơm khí tới đồng nghiệp (BUDDY)

Loại PSS 3000

Thiết bị điều chỉnh áp lực LDV
Mặt nạ loại PANORAMA NOVA

Loại PSS 5000

Cùng dây lót vai có đệm bao bọc
Dụng cụ bơm khí tới đồng nghiệp (BUDDY)

Vải bao bọc bình khí SCBA
cùng viền phản quang bảo vệ bình khỏi bị xước

Được chứng nhận tiêu chuẩn en 137 & 136 SOLAS, CE
Dịch vụ phụ cùng phân phối
- Tập huấn cách sử dụng 4 giờ
- Miễn phí vũ khí quân đội
- Kiểm tra việc sử dụng 2 lần trong năm.

Dräger

Xem thêm chi tiết : www.draeger.com

LOCAL FIRE SUIT
TRANG PHỤC CHỮA CHÁY NỘI ĐỊA

Bộ đồ thao dượt chữa cháy (áo + quần)
loại FSL – 01 Kích cỡ tiêu chuẩn, màu cam.
Chức năng : sử dụng để chống nóng
và luyện tập chữa cháy

Bộ đồ thao dượt chữa cháy (áo + quần)
loại FSL – 01 Kích cỡ tiêu chuẩn , màu vàng
Chức năng : sử dụng để chống nóng
và luyện tập chữa cháy

Áo thao dượt chữa cháy (áo choàng)
loại FSL – 02 Kích cỡ dài 42”, 48” màu cam.
Chức năng : Chức năng : sử dụng để chống
nóng và luyện tập chữa cháy

Bộ đồ thao dượt chữa cháy (áo + quần)
FR COTTON màu xanh
Chức năng : dùng để chống nóng.

Loại F – 500
kiểu Mỹ
tiêu chuẩn NFPA

Gìay (boot) cao su chữa cháy loại MT – 02
nhãn hiệu MT kích cỡ số 40 – 44, màu đen.
Chức năng : sử dụng trong thao dượt
và luyện tập chữa cháy

Giày chữa cháy loại 9687L nhãn hiệu HARVIK
Kích cỡ số 39 – 46 màu đen
Chức năng : sử dụng trong việc chữa cháy,
mũi giày bằng sắt.

Mũ chữa cháy cùng tấm chắn bảo vệ mặt, kích cỡ tiêu chuẩn,
màu đen loại FH – B, màu vàng loại FH – Y, màu cam loại FH – O,
màu trắng loại FH – W. Chức năng : bảo vệ phần đầu và tấm chắn bảo vệ
khuôn mặt từ các vật liệu va vào.

Bao tay chống nóng bằng da
loại BR – 001
Kích cỡ dài 12” , màu cam
Chức năng : dùng để chống nóng.

Bao tay chống nóng bằng da
loại BL – 001 Kích cỡ dài 12”, 15”
màu đen Chúc năng : dùng để
chống nóng.

BS NFPA CHỨNG NHẬN FM ỐNG DẪN NƯỚC CHỮA CHÁY SẢN XUẤT THEO TIÊU CHUẨN

- ống dẫn nước loại 3 lớp, ống được làm từ chất xơ tổng hợp(FIBER) toàn bộ cả chiều dọc và chiều ngang.
- Lớp trong và lớp ngoài được làm từ cao su tổng hợp(NITRILE RUBBER), toàn bộ được kết hợp thành một ống.
- Lớp trong cùng được thiết kế bề mặt mịn để giảm độ ma sát của nước, lớp ngoài cùng được thiết kế theo kiểu lồi lõm để chống mài mòn cho ống.
- Vừa tay khi cầm, giữ, chịu nhiệt độ bảo quản ở 50˚C và chịu nhiệt độ trong khi sử dụng lên tới 600˚C, chịu chất hoá học và điều kiện gỉ sét.
- Không phản ứng với chất petrolium các loại, dễ dàng bảo quản , không bị tì vết sau khi sử dụng, ống không bị gãy hay nhép sau khi sử dụng.
- Tất cả ống dẫn nước chữa cháy đều phải có nhãn dán được chứng nhận đã qua kiểm chứng FM.

BLINDEX 4-LAYER FIRE HOSE
(Yellow Outer Cover/Red Inner Tube)

Mô hình	Kích thước	áp lực cho phép (PSI)	áp lực gây bể hoặc nổ (PSI)	trọng lượng* (KG)
BLINDEX	1 1/2"	350	925	10.8
BLINDEX	2 1/2"	350	780	19.5

ARMTEX
ARMTEX 600 Choose From Two (2) Colors, Red and Yellow

Mô hình	Kích thước	áp lực cho phép (PSI)	áp lực gây bể hoặc nổ (PSI)	trọng lượng* (KG)
ARMTEX	1 1/2"	300	910	10.0
ARMTEX	1 3/4"	300	900	11.5
ARMTEX	2 1/2"	300	780	18.0
ARMTEX	3"	200	700	21.0
ARMTEX	4"	200	700	36.0
ARMTEX 600	1-1/2"	350	900	14.5
ARMTEX 600	2-1/2"	350	900	22.5

*Trọng lượng ở độ dài 30m

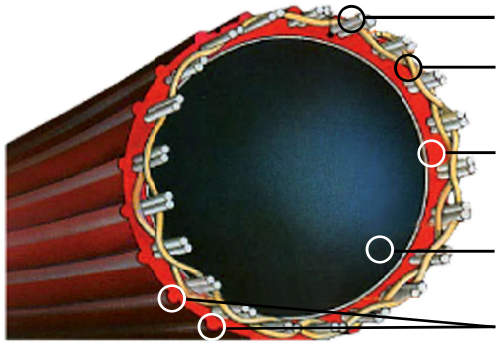

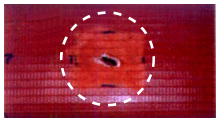

Vết lủng do bị cắt sửa ống nhãn hiệu ARMTEX màu vàng màu đỏ và ống nhãn hiệu BLINDEX

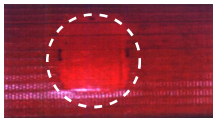

sau khi sửa xong

Hệ thống sửa chữa ống dẫn nước chữa cháy sửa chữa theo tiêu chuẩn nhà sản xuất nhãn hiệu ARMTEX kích thước ống 1.5 inch đến 4 inch vết cắt, kích thước lỗ 1/8 đến 2 inch bên cạnh ống hoặc trên ống, sau khi sửa xong được kiểm tra ống lên tới 250 PSI(17 BARS) cùng giấy chứng nhận.

FIRE EQUIPMENT STANDARDS TIÊU CHUẨN PHỤ KIỆN CHỮA CHÁY

Thuật ngữ tiêu chuẩn ống dẫn nước chữa cháy

- Burst presure (áp lực gây nổ) sự thử nghiệm ống nước chữa cháy đến khi nổ (không bao gồm khớp nối)
- ACCEPTANCE (TEST) PRESSURE (áp lực thử nghiệm ống chữa cháy trong khi sản xuất) thử nghiệm chất lượng ống chữa cháy vào khoảng 66% của áp lực gây nổ (không bao gồm khớp nối).
- WORKING SERVICE PRESSURE (áp lực cho phép) thử nghiệm ống chữa cháy cùng khớp nối Tiêu chuẩn thử nghiệm khả năng sử dụng theo NFPA
  - ống kích cỡ 1.5" (300 PSI tại 10 phút)
  - ống kích cỡ 2.5" (250 PSI tại 10 phút)
  - ống kích cỡ 4" (200 PSI tại 10 phút).

EUROPE AND ENGLAND TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU VÀ ANH QUỐC

Ống dẫn nước chữa cháy

BS 6391 ống cao su tổng hợp

BS 6391 ống chất xơ tổng hợp

Tiêu chuẩn thử nghiệm ống cỡ 1.5" và 2.5"(22.5 bar tại 1 phút)

Tiêu chuẩn BS 6391 : TYPE 3

EN 694 & 14510 chất xơ tổng hợp

UNE là tiêu chuẩn riêng của TÂY BAN NHA

Khớp nối

BS 336 khớp nối loại đeo vào nhanh kích cỡ 2.5"(bên được đeo)

3rd PARTY TESTING, Tổ Chức Chứng Nhận Tiêu Chuẩn FM, AENOR, CERTIFIED LABS.

WOVEN FIRE HOSE
ỐNG NƯỚC CHỮA CHÁY BẰNG VẢI

- Loại ống nước chữa cháy bằng vải làm bằng sợi chất xơ(SYNTHETIC) toàn bộ 100%
- Bên trong là cao su tổng hợp gắn chặt với sợi chất xơ SYNTHETIC
- Bên ngoài được nhúng chất POLYURETHANE (DURACOAT) (sợi màu đỏ) để ống chịu được chất hoá học, dầu mỡ, nhiệt độ, bảo vệ khỏi các vết trầy và vết gấp của ống nhiều hơn 50% - 70% loại ống không nhúng.

1210343

Loại	kích cỡ (inch)	áp lực gây nổ (bar)
HRS 061 "SRI"	1"X30M.	62

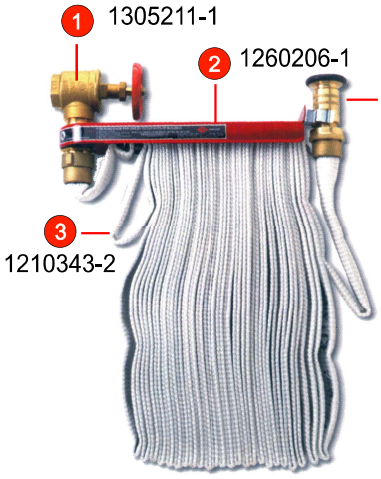

TITAN-C 800

Loại	kích cỡ (inch)	áp lực cho phép (PSI)	áp lực gây nổ (PSI)
TITAN 800 màu trắng	1-1/2"	300	750
	2-1/2"	300	750

Loại	kích cỡ (inch)	áp lực cho phép (PSI)	áp lực gây nổ (PSI)
TITAN-C 800 màu trắng	1-1/2"	300	750
	2-1/2"	300	750

1. 1440305-2
2. 1410202-6
3. 1410202-5

1. Đầu phun kiểu vòi sen 2.5 inch (răng NH)
2. Đầu phun loại thẳng + điều chỉnh vòi sen 2.5 inch x 12 inch đeo vào nhanh
3. Đầu phun loại thẳng 2.5 inch x 12inch đeo vào nhanh.

1. Van Angel bằng đồng 1,5 inch
2. Bộ khay kiểu đường ray HOSE RACK
3. Dây ống FM màu trắng 1.5 inch x 30m
4. Đầu phun HOSERACK 1.5 inch (NH) bằng đồng.

Loại	Kích cỡ	áp lực cho phép	áp lực gây nổ
TITAN 500 ống HOSE RACK màu trắng bên trong là cao su tổng hợp	1.5"	250	500

Tiêu chuẩn quốc tế của HOA KỲ

NFPA 1962 ống nước chữa cháy
NFPA 1963 Khớp nối
NFPA 1964 đầu phun
3rd PARTY TESTING Hiệp Hội Chứng Nhận Tiêu Chuẩn
UL - UNDERWRITERS LABORATORIES
FM - FACTORY MUTUAL
USA CERTIFIED TESTING LABS

Ống Nối Đa Năng

Đầu phun nước chữa cháy, phun được hai kiểu
Chỉnh đường phun thẳng kiểu vòi sen
và kiểu đường thẳng tụ lại, làm từ hợp kim nhôm.
Có van đóng/mở kiểu đòn bẩy, ngăn phun nước

Loại CCM 1,5" lỗ phun 9 mm. 120 lít
Loại CCM 2,5" lỗ phun 12 mm . 215 lít

CHỐNG TRỘM
UL / FM HOSE/RACK NOZZLES

Chống trộm/
đầu phun HOSE RACK
Kích cỡ 1,5 inch NH bằng đồng, tiêu chuẩn UL/FM
kiểu phun vòi sen và phun thẳng

Đầu phun HOSE RACK
kích cỡ 1.5 NH
làm từ nhựa cứng màu đỏ
tiêu chuẩn UL/FM
kiểu phun vòi sen
và phun thẳng.

Nắp đậy 2.5 inch
BS 336 l
àm từ cao su tổng hợp
cùng dây xích

Nắp đậy 2.5 inch
BS 336
làm từ nhựa cứng
màu đỏ cùng dây xích

FIRE

F13

CHỮA CHÁY

HOSE COUPLING
KHỚP NỐI ỐNG DẪN NƯỚC CHỮA CHÁY

BS336 (kiểu QUẤN DÂY)
Chứng nhận sử dụng 300 PSI
Bảo hành 5 năm.

IMPORT
LOẠI HÀNG NHẬP KHẨU

BS336 làm bằng đồng
Kích cỡ 1.5” x 2.5” BS 336
Kích cỡ 2.5” x 2.5” BS 336

BS 336 Làm Bằng hợp kim Nhôm

Kích cỡ 1.5” x 2.5” BS 336
Kích cỡ 2.5” x 2.5” BS 33

Khớp nối loại khác
(BS, NH, STORZ)

Khớp nối “NH” kiểu hệ thống nén
Nhãn hiệu “ RED HEAD” HOA KỲ

HỢP KIM CỨNG
kích cỡ 1.5 và 2.5”
NH (NST)

Đồng kích cỡ
1.5” và 2.5”

Nhãn hiệu
“TITAN” đồng

kích cỡ 1.5” kiểu “RACK”
và kiểu sân

Khớp nối “EURO” làm bằng hợp kim

nhôm loại răng
cưa kiểu Thuỵ sĩ

và kiểu răng nanh
(STORZ 1.5”, 2.5”)

• DỊCH VỤ NHẬN SỬA CHỮA ỐNG VÀ KHỚP NỐI (DẠNG NÉN VÀ QUẤN DÂY) •

COUPLING SIZE CHART – BẢNG KÍCH CỠ KHỚP NỐI ỐNG CHỮA CHÁY

INSTANTANEOUS BS336 Loại đeo nhanh		STORZ Loại răng cưa (SWEDEN) (STORZ)		HOSE SIZE Kích cỡ ống	COUPLING SIZE Kích cỡ khớp nối	NATIONAL STANDARD Loại xoắn ốc NH (NST)*		STRAIGHT IRON PIPE Loại xoắn ốc NPSH (IPT)		BRITISH STANDARD Loại xoắn ốc BSPT	
kích cỡ ống	kích cỡ khớp nối	kích cỡ ống	kích cỡ khớp nối	inch	inch	ODP	TPI	ODP	TPI	ODP	TPI
1.5"	1.5" / 2.5"	1.5"	1.5" / 2.5"	1.5"	1.5"	1.990	9	1.8788*	11 1/2	1.882	11
2.5"	2.5"	2.5"	2.5"	2.5"	2.5"	3.0686	7 1/2	2.841*	8	2.960	11
4"		2.5"	2.5"	4"	4"	5.0109	4	4.470	8	4.450	11

Khớp nối có độ bền cao, sử dụng hệ thống quấn hoặc nén có chất lượng cao và đáng tin cậy, có giấy chứng nhận đã qua kiểm nghiệm ống và khớp nối

ĐỒNG NHÔM
Loại đeo vào nhanh 2.5” BS 336
Cách quấn dây gồm 3 bước
(sử dụng dây thép không gỉ)
cùng vải lót và cao su bao bọc

E-Z BINDER

Máy quấn ống dẫn nước chữa cháy bằng dây kẽm
sử dụng mô-tơ điện 220 v
quấn khớp nối kiểu đeo vào nhanh
răng cưa chịu lực quấn khớp nối chịu
áp lực ở 300 PSI.

Trung tâm dịch vụ nén khớp nối của “RED HEAD”

- Có dịch vụ nén khớp nối kiểu nén 1.5” – 4” kiểu NH, BS336 và STORZ
- Sử dụng máy nén khớp nối HYDROLIC 220 V loại “BRUTE” của công ty “RED HEAD” HOA KỲ

Xem thêm chi tiết : www.akron brass.com

FIRE FIGHTING ACCESSORIES
KHỚP NỐI VÀ PHỤ KIỆN CHỮA CHÁY

Vật liệu hợp kim nhôm

Khớp nối chân chim

Dùng chung với ống dẫn nước chữa cháy 2,5"x đường ra 2-1,5" loại NH 3 – 2,5" loại nối nhanh BS 336.
Loại 2581 tay cầm làm bằng nhựa cứng.
Loại 272 NL tay cầm bằng kim loại, làm từ hợp kim nhôm (trọng lượng nhẹ).
Ball Valve cùng O-ring làm từ nhựa cứng, bền bỉ và không bị rò rỉ

Vật liệu đồng thau dạng Cút kiểu Thụy sĩ

Loại nối nhanh BS 336

Khớp nối cổ giảm có 2 đầu rãnh làm bằng đồng mạ cờ rôm kích cỡ 4" giảm 3" kích cỡ 4" giảm 3,5"

Khớp nối cổ giảm có 2 đầu rãnh làm bằng đồng mạ cờ rôm kích cỡ 4" giảm 4"

Hàng nội địa
Chọn đường vào kiểu nối nhanh 2,5"

Khớp nối cạnh có rảnh đơn 2,5" x 2,5" rãnh ngoài bằng đồng thau.

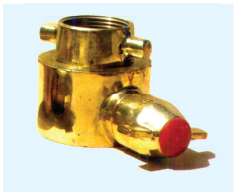

Khớp nối cạnh rãnh đơn 2,5" x 1,5" rãnh trong bằng đồng thau

Khớp nối giảm kiểu tai thỏ rãnh trong 4" x 2,5" nối nhanh, rãnh bằng đồng thau

Nòng súng cùng đầu phun bằng đồng thau mạ cờ rôm 2,5" x 24 phun thẳng.

Nắp đậy nối nhanh 2,5" dạng cắm làm bằng đồng thau và làm bằng nhôm

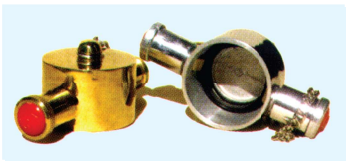

Nắp đậy nối nhanh 2,5" dạng đeo làm bằng đồng thau và làm bằng nhôm

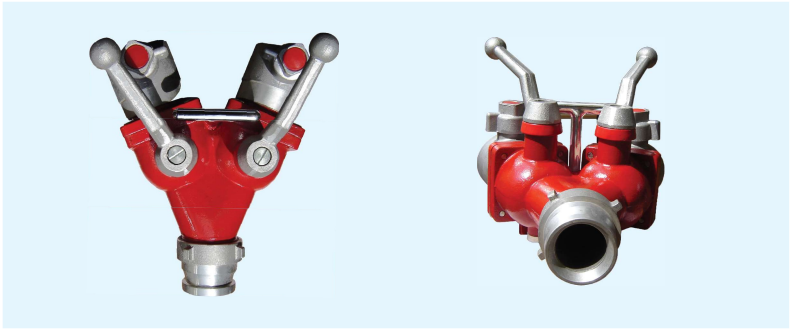

Sử dụng cùng ống dẫn nước chữa cháy 2,5" đường vào 2,5" x đường ra 2,5" kiểu nối nhanh BS 336 làm bằng nhôm, có độ bền cao. Tay quai làm bằng nhôm cùng van đóng/mở cả 2 bên.

Khớp nối dẫn nước đôi dạng rãnh thô đường vào 4", đường ra 2,5" 2 đường.

Loại Bec W -580
khóa vặn đường nước có thể điều chỉnh 1,5 – 6 inch làm bằng sắt.

Khóa vặn khớp nối ống hút bằng đồng Loại FIR – 04
khóa vặn khớp nối ống hút (tai ngắn) 4" nhôm
Loại FIR – 0304 khóa vặn khớp nối ống hút (tai dài) đồng thau

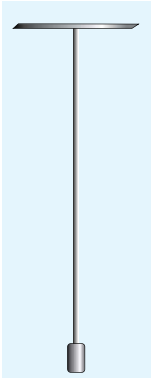

Loại FIR – T
khóa hình chữ T mở van nước sinh hoạt chữa cháy.

Khóa (cờ-lê) vặn khớp nối và đầu ống dẫn nước chữa cháy
- Nhãn hiệu RED HEAD loại 101
Khóa đa năng làm bằng nhôm kích cỡ ¾ – 6" loại Rocker hoặc Pin sản xuất tại HOA KỲ
- Nhãn hiệu RED HEAD loại 105
khóa (cờ-lê) dùng cho đầu ống dẫn nước mở van 1,5" (hình vuông) và loại 1-7/8 inch (hình ngũ giác) kích cỡ ¾ – 6 inch loại Rocker hoặc Pin dài 19,5 inch sản xuất tại HOA KỲ.

FIRE FIGHTING NOZZLE VÒI PHUN NƯỚC CHỮA CHÁY

Viper phun nước theo kiểu đường thẳng, vòi sen , màn nước

THIẾT BỊ ĐƯỢC GẮN CÙNG VÒI PHUN BỌT Viper

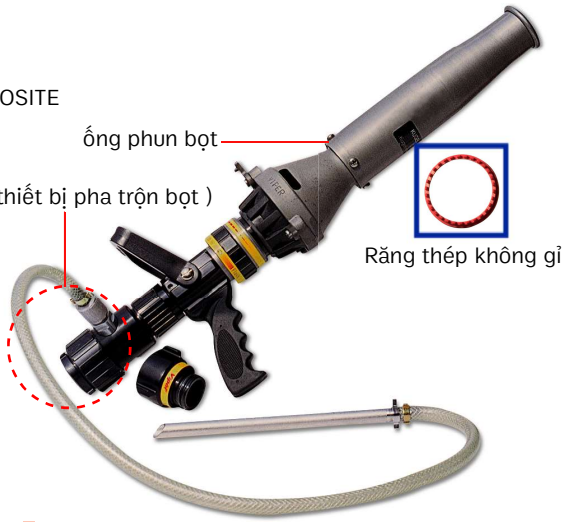

TIÊU CHUẨN ISO 9002

Viper dùng tốt với loại bọt AFFF 1-6%

Viper Nozzles Flow Data

Loại	Nozzle psi	Pressure bar	Nozzle gpm	flow lpm	Phun đường thẳng	đường thẳng foots	đường thẳng mét	Trọng lượng pound (kg)	Độ dài (inch)
SG-3012	100	7	125	475	ลำตรง	141	43	4.3 (1.95)	8.85
SG-7515	100	7	150	600	ลำตรง	148	45	4.3 (1.95)	8.85

SG-3012 (115-230-360-475-Lít/phút) SG-7515 (265-380-500-600- Lít/phút)

SPECIAL USE NOZZLES VÒI PHUN NƯỚC CHỮA CHÁY LOẠI ĐẶC BIỆT

AKRON TURBOJET (USA)

Khớp nối

Bu lông NH 1,5"

Gắn chung với thiết bị

Tiêu chuẩn NFPA chứng nhận ISO 9002

HIGH PRESSURE BRANCHPIPE

Loại 9375
Dùng chung với HOSE REEL mà xe cứu hỏa có van đóng mở, tùy chỉnh kiểu phun đường thẳng và vòi sen

WATER CURTAIN ĐẦU PHUN MÀN NƯỚC

Loại	áp lực BAR	dòng chảy LPM	phun	khoảng cách phun foots	khoảng cách phun mét	trọng lượng (pound-kg)	độ dài (inch)
AKRON 1720	7	475	ss	170	52	1.82	232
POK 9375	40	200	ss	81	25	2.8	520

- Loại 1720
- 115 230 360 475 lít/phút chọn hệ thống BS 336 loại gắn chung hoặc khớp nối

Đường vào chọn :
105" NH
2,5" đeo vào nhanh

- Loại 3265 – 1,5" (800 lít/phút) x= 26m y= 7m
- Loại 9380 – 2,5" (1200 lít/phút)x= 32m y= 10m

Tùy chọn loại tua vít 1,5" hoặc 2,5" hoặc đeo vào nhanh 2,5" BS 336 Chọn hệ thống BS 336 gắn chung hoặc khớp nối

TECHNICAL CHARACTERISTICS

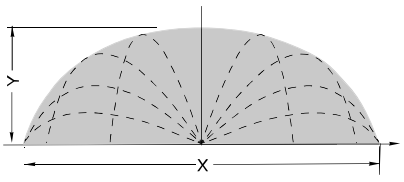

Xem thêm chi tiết : www.tipsa.com

FIRE FIGHTING NOZZLE
VÒI PHUN NƯỚC CHỮA CHÁY

NEW

"RYLSTATIC"

Phun nước kiểu đường thẳng, vòi sen và màn nước cải tiến mới

Viper

Quai cầm dùng để đóng mở dễ dàng
- BALL VALVE
làm từ thép không gỉ

Hệ thống "RYLSTATIC" có hai nút lồi bên trên để điều chỉnh lượng nước và điều chỉnh màn nước giúp cảm nhận được khi thực hiện công việc.

Hệ thống "RYLSTATIC"
không có răng vặn
giúp tạo màn nước được tốt hơn

Vòi phun làm từ hợp kim nhôm

BS 336 loại đeo vào nhanh

có thể nối với dây tua vít NH 1,5" hoặc đeo vào nhanh 2,5 BS 336 bên trong có sàng để ngăn rác vụn đi vào

Rong điều chỉnh lượng nước

Lượng nước và vị trí của chế độ vòi sen hay đường thẳng có ký hiệu rõ ràng

Quai cầm làm từ cao su cứng giúp cầm vừa tay hơn

BS 336 loại đeo vào nhanh

Sản xuất theo NFPA 1964 và theo tiêu chuẩn EN – 15182 – 1 và 151824 TYPE 3

Sơ đồ điều chỉnh kiểu phun đường thẳng vòi sen , màn nước

Có sàng để lọc vụn đá và đất

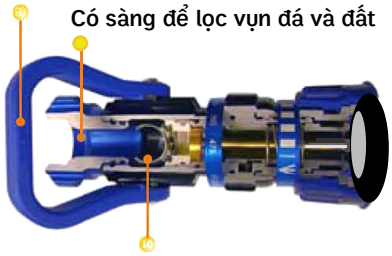

Các chức năng có lợi cho việc sử dụng "RYLSTATIC"

không có răng vặn giúp tạo màn nước được tốt hơn với hạt nước nhỏ hơn màn nước sẽ dày đặc hơn và rộng hơn, BALL VALVE làm từ thép không gỉ rong điều chỉnh kiểu phun và điều chỉnh lượng phun dạng mạ kim loại cùng với nút lồi bên trên ròng nút.

Viper Nozzles Flow Data

Loại	Nozzle psi	Pressure bar	Nozzle gpm	flow lpm	phun	khoảng cách phun foots	khoảng cách phun mét	trọng lượng pound (kg)	độ dài (inch)
BD-1560	580	40	55	210	ล่าตรง	112	34	3.8 (1.72)	8
BD-3012	580	40	123	465	ล่าตรง	141	43	4.2 (191)	9.25
BD-7515	100	7	150	560	ล่าตรง	148	45	4.2 (191)	9.25

BD-3012 (115-230-360-465-Lít/phút) 1.5 NH INLET BD-1560 (50-100-160-210)-Lít/phút)
BD-7515 (280-360-470-560-Lít/phút) 1 5 NH INLET BD-1560 1" BSP INLET

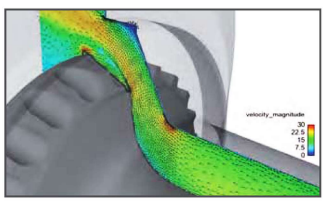

WATER VELOCLTY

Hệ thống "RYLSTATIC" thêm áp lực nước chảy qua vòi phun bằng việc giảm độ ma sát của nước.

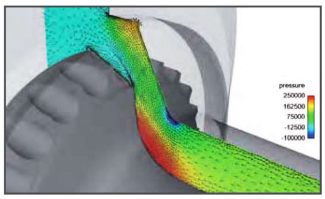

STATIC PRESSURE

Hệ thống "RYLSTATIC" giảm lực chấn động để dòng nước chảy qua có áp lực cao hơn.

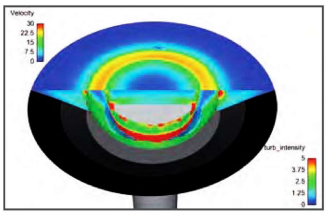

FOG PATTERN

Hệ thống "RYLSTATIC" làm cho hạt nước nhỏ hơn giúp cho màn nước được dày hơn và rộng hơn mà không bị điều khiển bởi răng vặn.

Xem thêm chi tiết : www.tipsa.com

PUMP & ACCESSORIES MÁY BƠM VÀ PHỤ KIỆN

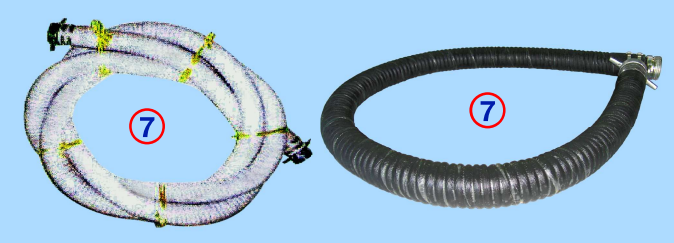

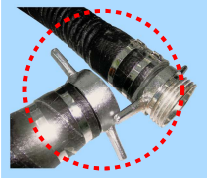

Sử dụng dây đeo
BAND – IT
dây dùng để
quấn khớp nối

7 Ống hút nước chữa cháy loại ống cứng có quấn dây kẽm dùng để nối với xe cứu hỏa và ống hút nước chữa cháy, có màu trắng và màu đen kích cỡ 3 inch , 3,5 inch và 4 inch độ dài tối đa 30 foots (9m)

8 Đầu lâu lọc bụi bằng nhôm dạng thẳng đứng kích cỡ 3 inch 3,5 inch, 4 inch có rãnh 2 loại loại thô và loại mịn.

9 Đầu lâu lọc bụi bằng đồng thau dạng tổ ong kích cỡ 3 inch 3,5 inch, 4 inch có rãnh 2 loại rãnh thô và rãnh mịn.

10 Đầu lâu foots valve bằng đồng thau dạng tổ ong kích cỡ 3 inch, 4 inch có rãnh 1 loại dạng xoắn ốc.

11 Giỏ mây lọc bụi.

ống dẫn nước (từ đầu bơm nước – xe cứu hỏa)

1 ống dẫn nước ARMTEX kích cỡ 4 inch (kích cỡ 5 inch và 6 inch có thể đặt hàng đặc biệt) cùng khớp nối nhãn hiệu RED HEAD.

2 Loại 7740 nhôm dạng nén hay nhãn hiệu RED HEAD

3 Loại 299 cùng tay cầm để vặn

** lưu ý công ty có dự trữ ống nước và khớp nối cùng dịch vụ nén **

Khớp nối loại đeo vào 2 bên nhãn hiệu RED HEAD

4 Loại 53 RL kiểu SWIVEL 1 bên và bên còn lại nối chết.

5 Loại 35 kiểu SWIVEL 2 bên loại ROCKER.

Loại 57 giống với loại 35 nhưng có tay cầm 1 bên khớp nối loại đeo vào 1 bên, loại xỏ vào 1 bên nhãn hiệu RED HEAD.

Loại 37 đeo vào 1 bên, xỏ vào 1 bên dạng ROCKER kích cỡ 1,5 inch – 6 inch (đeo vào) 1,5 inch – 6 inch (xỏ vào).

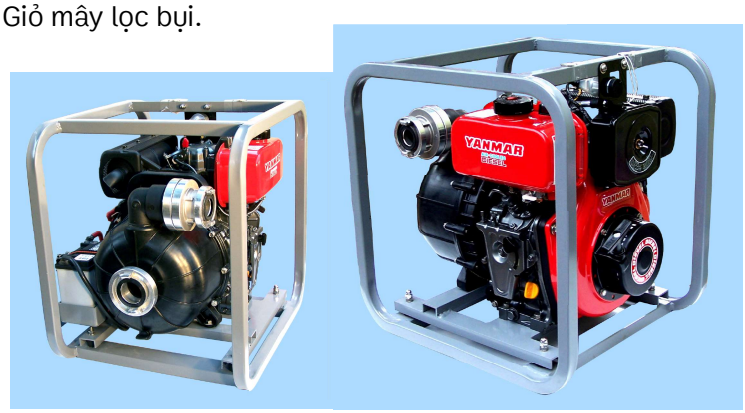

MÁY BƠM NƯỚC DÙNG TRÊN TÀU THUYỀN.

Loại TDP20MHE loại DIESEL START điện.

Sử dụng động cơ nhãn hiệu YANMAR 4.7 mã lực 3600 vòng / phút. Có hai kiểu khởi động kiểu thủ công và kiểu điện tử 12 V

Máy bơm kiểu ốc anh vũ có hệ thống chân không tự động. Lưu lượng nước 500 lít / phút cao 7m, đường vào và đường ra 2 inch cùng ống hút kích cỡ 2" x 9m cùng đầu lâu và giỏ lọc bụi. khung được làm bằng nhôm và hệ thống bên trong máy bơm chống gỉ, kích cỡ vừa vặn trọng lượng chỉ 40 kg.

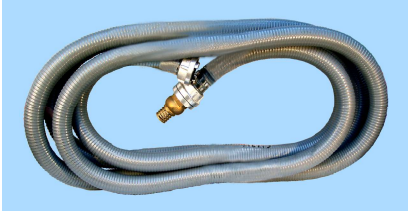

MÁY BƠM NƯỚC LOẠI ĐEO VAI

Loại GENFO – BAG

Chứa lượng nước 18 lít (4 galons) làm từ loại vải bền bỉ và thoải mái khi đeo, dùng hệ thống bơm tay và vòi phun điều chỉnh được 2 kiểu có thiết bị phụ là vòi phun chất tạo bọt.

FIRE EXTINGUISHER BÌNH CHỮA CHÁY

☑ LỰA CHỌN BÌNH CHỮA CHÁY CHO PHÙ HỢP VỚI CÔNG VIỆC ĐƯỢC SỬ DỤNG RỦI RO HAY NGUY HIỂM

TIÊU CHUẨN MOC 332 – 2537

Dạng hóa chất khô CLASS A, B, C
Hiệu suất chữa cháy

- ☐ 2A 2B
- ☐ 6A 10B
- ☐ 6A 20B

Kích cỡ

- ☐ 5 pounds
- ☐ 10 pounds
- ☐ 15 pounds
- ☐ 20 pounds

Dạng bọt và dạng không văng lung tung.

☐ Dạng bọt đậm đặc
LOW/MED EXPANSION
MỨC ĐỘ TẠO BỌT

☐ Dạng chất tạo bọt hỗn hợp
☐ Loại AF – 9P

Tính chất đặc biệt***
Là chất tạo bọt tương đương với bình chứa chất tạo bọt thông thường (trong nước) 30 bình.

☐ Loại WATER GAS
dạng nước

☐ Dạng lỏng bay
☐ hơi loại BF – 2000

Hóa chất khô loại đặc biệt

- ☐ Loại BF – 2000
  Dạng dung dịch lỏng bay hơi CLASS A, B
- ☐ Loại AF – 9P
  dạng bọt CLASS B
  PRIMA FOAM DELTA FIRE
- ☐ Loại LX – PRIMA
  Low Expansion
- ☐ Loại MX – PRIMA
  Medium Expansion
- ☐ Loại WATER GAS
  dạng nước CLASS A

Dạng khí CO2 CLASS B, C

- ☐ 5 pounds
- ☐ 10 pounds
- ☐ 15 pounds

☐ Sắt ☐ nhôm

Dạng khí ga CO2 CLASS B, C

Dạng khí CO2
tiêu chuẩn UL

Dạng CO2
bình nhôm

Kích cỡ

- ☐ 5 pounds
- ☐ 10 pounds
- ☐ 15 pounds
- ☐ 20 pounds

SERVICE & INSTALLATION DỊCH VỤ VÀ CÀI ĐẶT

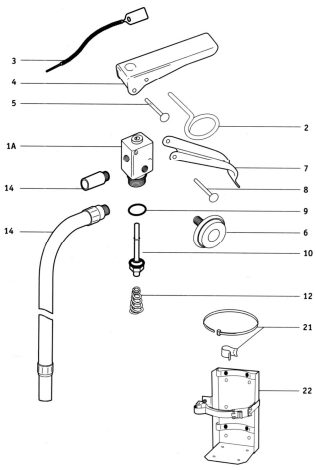

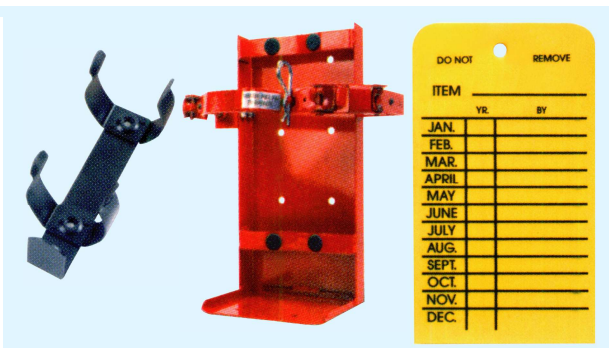

- ● Kiểm tra
- ● Thay thế phụ tùng và sơn màu
- ● Nạp chất lỏng
- ● Tập huấn
- ● Cài đặt

PACIFIC FIRE AEC

FIRE EQUIPMENT CABINETS
TỦ BẢO QUẢN THIẾT BỊ CHỮA CHÁY CÁC LOẠI

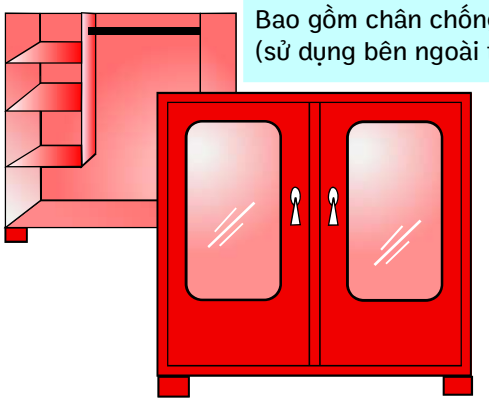

Bao gồm chân chống tủ
(sử dụng bên ngoài tòa nhà)

Dạng gọn gàng
(sử dụng bên trong tòa nhà)

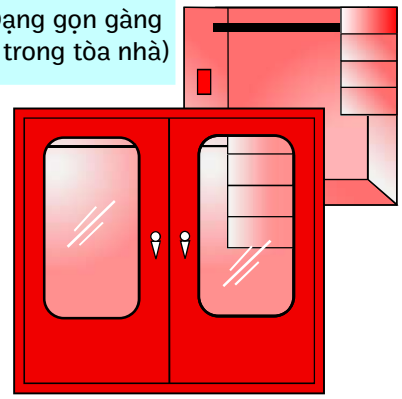

Tủ bảo quản trang phục chữa cháy.
Có thể chứa từ 3 – 6 bộ

- Trang phục chữa cháy (dạng treo)
- Mũ chữa cháy.
- Bao tay chữa cháy
- Giày chữa cháy
- Thiết bị trợ thở SCBA

Tủ chứa bình chữa cháy
Kích cỡ từ 10 – 20 pounds

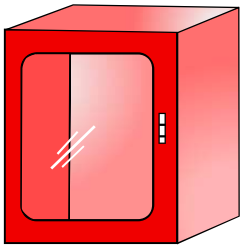

Tủ cất giữ 3 bộ

- Trang phục chữa cháy 3 bộ
- Mũ chữa cháy 3 chiếc.
- Bao tay chữa cháy 3 đôi.
- Giày chữa cháy 3 đôi.

Tủ bảo quản thiết bị chữa cháy
(thích hợp sử dụng trong làng, xã)

Tủ chứa ống nước chữa cháy

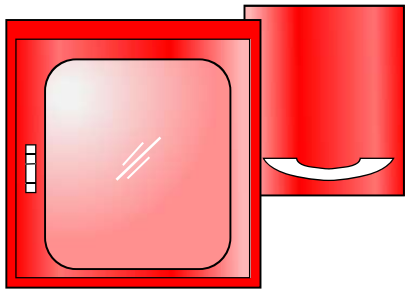

Xe đẩy chữa cháy.
(thích hợp sử dụng trong khách sạn, bệnh viện và siêu thị)

Kích cỡ 1,5” và 2,5”
số lượng 1 – 2 ống

Tủ chứa ống HOSE RACK

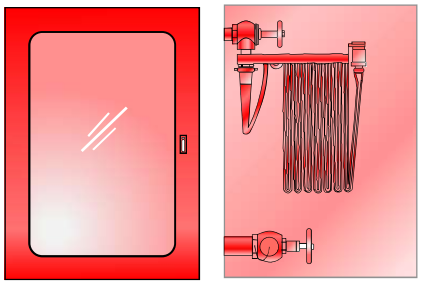

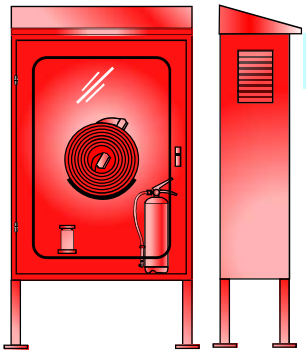

Tủ dạng hộp có mái và chân chống.

- ống nước chữa cháy
- vòi phun nước chữa cháy
- bình chữa cháy
- rìu
- số lượng 1 – 2 bộ.

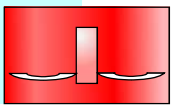

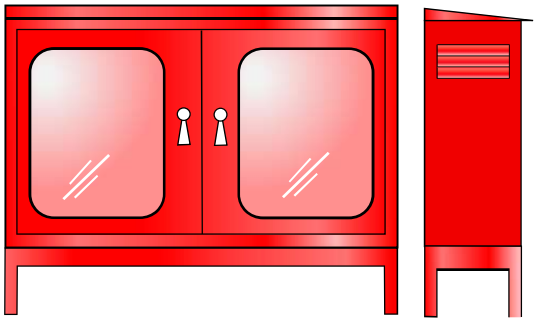

FIRE

F20

CHỮA CHÁY

FIRE EQUIPMENT CABINETS
TỦ BẢO QUẢN THIẾT BỊ CHỮA CHÁY CÁC LOẠI

MẪU ĐƠN HỎI GIÁ TỦ CHỮA CHÁY CÁC LOẠI

Ngày ...../...../.....

W = chiều rộng ..... Cm.
H = hiều cao ..... Cm.
D = chiều sâu ..... Cm.
Số lượng ..... Lổ (không quá 4 lổ)
Vị trí r1 .....
Vị trí r2 .....
Vị trí r3 .....
Vị trí r4 .....

CHI TIẾT VỀ TỦ CHỮA CHÁY

Thể loại tủ ☐ Tủ chứa bình chữa cháy các thiết bị được chứa số lượng .....bình kích cỡ bình .....
☐ Tủ chứa ống chữa cháy các thiết bị được chứa số lượng .....ống kích cỡ ống .....
☐ Tủ chứa trang phục chữa cháy các thiết bị được chứa số lượng trang phục ..... quần .....
mũ ..... bao tay ..... giày .....
☐ Các loại tủ đặc biệt khác các thiết bị được chứa .....

Đặc điểm của tủ. ☐ Tủ dùng bên trong ☐ Tủ dạng hộp ☐ Màu của tủ ..... Chân chống cao .....cm.....
☐ Dạng kính mờ ☐ Dạng kính trong ☐ Safety ☐ Loại thường.

Thể loại kim loại ☐ thông thường ☐ STAINLESS ☐ FIBER GLASS
Kích cỡ kim loại ☐ #..... loại mỏng ☐ #.... loại dày.
Loại bản lề ☐ đơn (dài) ☐ đôi.
Chìa khóa ☐ dạng bấm ☐ loại sừng trâu ☐ loại núm
Phần đặc biệt ☐ lổ thông hơi ☐ sàng che lổ ☐ khác....

Giá một tủ .....bath *** giới hạn đặt giá ..... ngày (kể từ ngày nhận đơn này)***

Lưu ý / đề xuất.....

Cài đặt ..... ☐ tự cài đặt ☐ công ty cài đặt.

Ghi danh / ngày ..... người hỏi giá ghi danh / ngày..... người ra giá.

FOAM APPLICATION EQUIPMENT
THIẾT BỊ PHUN CHẤT TẠO BỌT CHỮA CHÁY

FOAM EXTINGUISHER

PRIMA
Bình chữa cháy loại bọt
Cách sử dụng :
1. Nạp bình với chất tạo bọt
2. Nối ống chữa cháy
3. Mở nước và bắt đầu phun

"PRIMA" = bình chữa cháy 40 bình
Dòng MX loại Medium Expansion
Dòng LX loại Low Expansion

PRIMA FOAM EXTINGUISHER
Bình chữa cháy loại bọt
Chứa chất tạo bọt : 12 lít
Dung lượng chất tạo bọt được phun : 45 lít/phút
Khoảng thời gian phun ở 3% : 9 phút

DELTA FIRE

FOAM INDUCTOR
Thiết bị trộn chất tạo bọt
Tỉ lệ trộn 1% – 6%
Loại z 225 tỉ lệ chảy 225 lít /phút
Loại z 450 tỉ lệ chảy 450 lít/phút
Loại z 900 tỉ lệ chảy 900 lít/phút

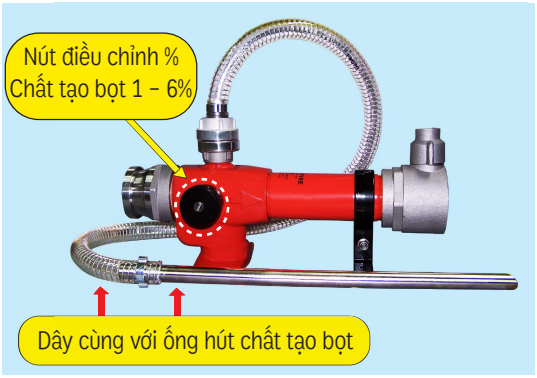

Dòng HV series đầu phun chất tạo bọt loại Low Expansion
sử dụng chung với chất tạo bọt loại AFFF, AFFF – AR và FFFP
Dòng HV sử dụng chung với bộ pha trộn bọt như z 225 hay z 450
Dòng HV "S" đầu phun cùng hệ thống trộn chất tạo bọt
đường vào kích cỡ 2,5 inch loại đeo vào nhanh.
Tiêu chuẩn DOT & LLOYDS.
Dòng HV 225/HV 225S 225 lít/phút ở áp lực nước 7 bars
Dòng HV 450/HV 450S 450 lít/phút ở áp lực nước 7 bars
Dòng HV 900/HV 900S 900 lít/phút ở áp lực nước 7 bars

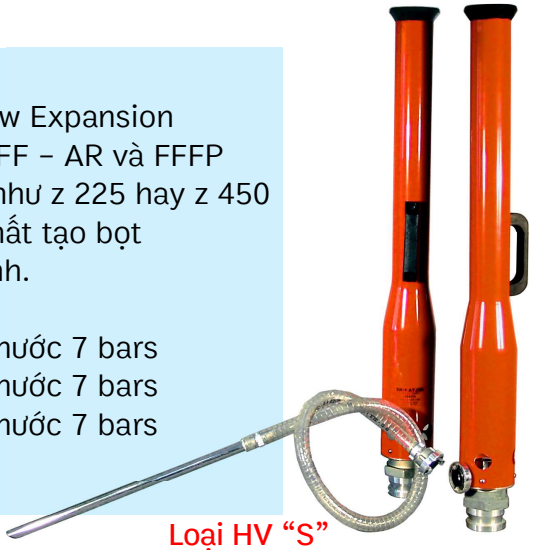

Loại HV "S"

Loại HV

High Expansion Foam Generator

Sử dụng quạt cùng thiết bị trộn chất tạo bọt trong việc sản xuất chất tạo tạo bọt loại High Expansion
tỉ lệ sản xuất 200m3/phút
tỉ lệ mở rộng chất tạo bọt 1200 lần.
Là thể loại đặc biệt trong việc chữa cháy trong những khu vực rộng lớn hoặc khu vực kín khí.
Loại EXCEL
phải sử dụng chung với chất tạo bọt Hi – ex

FOAM APPLICATION EQUIPMENT
CHẤT TẠO BỌT VÀ THIẾT BỊ PHUN CHẤT TẠO BỌT

Chất tạo bọt có lợi thế hơn nước
Nếu dùng chất tạo bọt sẽ tiết kiệm nước hơn và chữa cháy nhanh hơn.
Bảo vệ nhiên liệu bắt lửa và chữa cháy trong hku vực khó tiếp cận
CLASS A,B

Lựa chọn chất tạo bọt và thiết bị phun chất tạo bọt phù hợp để

Chữa cháy class B xăng dầu, ga và hóa chất
Chữa cháy vật liệu bắt lửa loại cồn
Kiểm soát xăng dầu hoặc hóa chất rò rỉ từ trong xe xe điện hay từ những nơi chứa khác
Chữa cháy trong vùng khó tiếp cận như nhà kho phòng kín khí và khu vực dưới lòng đất.

DELTA FIRE

FOAM EQUIPMENT

Thiết bị trộn chất tạo bọt

Đầu phun chất tạo bọt

ống kích cỡ 1 ¾" (1,75") hoặc 2,5" nhãn hiệu ARMTEX

MOBILE FOAM UNIT (xe chở chất tạo bọt)

Là loại xe đẩy chở chất tạo bọt kích cỡ 130 lít cùng thiết bị phun bọt
Cấu tạo bởi.
Bộ INLINE EDUCTOR có thể giúp tỉ lệ pha trộn được 1-6%, vòi phun bọt Low – Expansion kích cỡ 225 lít/phút cùng khớp nối kích cỡ 450 lít/phút là sự lựa chọn.
ống dẫn nước chữa cháy loại dày 3 lớp là cao su SYNTHETIC RUBBER toàn bộ, chịu nhiệt độ cao, axit, kiềm, cùng với khớp nối loại đeo vào nhanh kích cỡ 2 ½ inch
chứng nhận ISO 9002
sản phẩm từ nước Anh
dòng DF 130

GRP TANK
bình làm từ Fiber loại GRP

Nhãn hiệu US FOAM tiêu chuẩn UL
Nhãn hiệu DELTA tiêu chuẩn BS.

Lựa chọn chất tạo bọt phù hợp theo thể loại hóa chất và thiết bị

Loại AFFF 1% sử cụng cho cháy class A cháy giấy, vải
Loại AFFF 3% sử dụng cho cháy class B, xăng dầu, ga, chất hydro cacbon
Loại AFFF/AR 3% 6% sử dụng cho nhiên liệu loại cồn và hóa chất hòa tan trong nước
Loại TRAINING FOAM sử dụng trong diễn tập chữa cháy bằng chất tạo bọt
Cả 4 loại chất này sử dụng chung với thiết bị phun chất tạo bọt Low và Medium Expansion
Loại Hi – Ex sử dụng quạt cùng thiết bị trộn chất tạo bọt

www.deltafire.co.uk

MONITORS VÒI PHUN NƯỚC CHỮA CHÁY CÙNG NỀN VÒI

Vòi phun nước dạng vòi sen hoặc màn nước
(500 – 750 – 1000 1250 GPM)

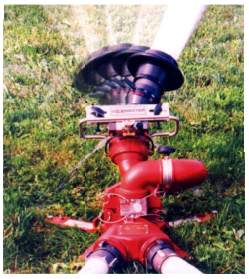

AKRON
FIREFIGHTING EQUIPMENT

PORTABLE MONITER Loại di chuyển

Loại APOLLO 3423 cùng vòi phun loại 5160

MONITOR bộ nền súng dạng có thể di chuyển APOLLO là đặc điểm đặc biệt khi bạn có thể tháo cả nền súng ra khỏi chân chống và lắp ráp với bộ mặt bích trên xe cứu hỏa hoặc có thể chỉ lấy nền vòi để nối với vị trí khác
có thể mang tỉ lệ nước đến 1250 GPM đầu phun có thể thay đổi theo kiểu khác nhau tùy theo công việc được sử dụng

Pyrolite là hợp kim nhôm cứng

Loại	trọng lượng pounds/kg	chiều cao inch/cm	chiều rộng inch/cm	chiều dài inch/cm	lực chảy LPM	lực chảy GPM	sản xuất từ
3423	55/25				3030	800	Pyrolite
922	51/23	13/33	17.75/45	21/53.5	2900	750	Pyrolite
3443	14/6.35	9/23	14.5/37	23.5/60	1890	500	Pyrolite
3425	24.75/11.25	17/43	22/56		4800	1250	Pyrolite

Loại 4452
(1140,1900 & 2660 LPM)

Loại 4460
(1900, 2900, 3800 & 4800 LPM)

Loại 4470
AKROFOAM-PYROLITE

Loại	sản xuất từ	cách sử dụng	lực chảy LPM	lực chảy GPM	đường nước chảy vào inch	Spinning Teeth	độ dài inch/cm	trọng lượng pounds/kg
5160	Pyrolite	Manual	950 - 4800	250 - 1250	2.5	None	9.5/24	12/4.75
4445	Pyrolite	Manual	950 - 1900	250 - 500	2.5	Spinning	7/18	5/2.25
4452	Pyrolite	Manual	1140 - 1900	300 - 750	2.5	Fixec Teeth	7/18	4.75/2.15
4475	Pyrolite	Foam / Water	1900 - 3800	350 - 1000	2.5	None	9.25/23.5	12/5.45
4470	ทองเหลือง	Foam / Water	1900 - 3800	350 - 1000	2.5	None	12.38/31.45	25/11.35

Loại 3443
MONITOR+4445 NOZZLE

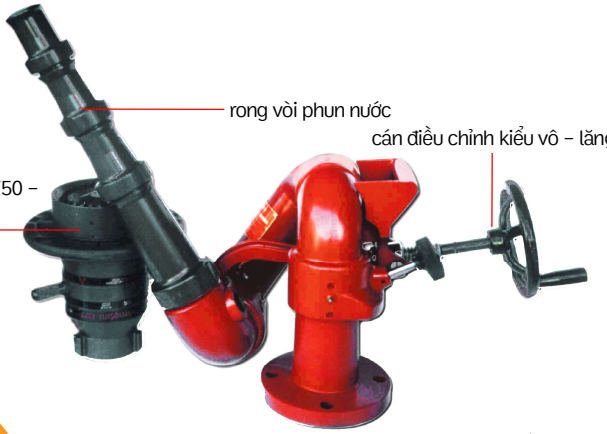

Loại 1755
TURBOMASTER

PACIFIC FIRE AEC

FIXED MONITER DẠNG CÀI ĐẶT
Loại ARIES 3425

MONITOR bộ nền súng dạng cài đặt trên sân cỏ hoặc trên xe cứu hỏa. Đặc điểm đặc làm từ đồng thau hoặc hợp kim nhôm, có thể lựa chọn kiểu vòi phun và lưu lượng tùy theo công việc.

Xem thêm chi tiết : www.akronbrass.com

TEMPEST CONTROLLED AIRSTREAMS — QUẠT HÚT KHÓI TIÊU CHUẨN AMCA

Là loại quạt có sức gió cao, dùng trong công việc cứu hỏa ,cứu nạn và hút khí khác, bên trong quạt được làm bằng nhôm, có thể di chuyển dễ dàng, có bánh và tay cầm để đẩy, có nhiều kích cỡ để lựa chọn.

DIRECT DRIVE
CÁNH QUẠT NỐI THẲNG

" WINNING STEP "

FLIP-UP
FOLD-DOWN

TAY CẦM ĐẨY
LÊN–XUỐNG

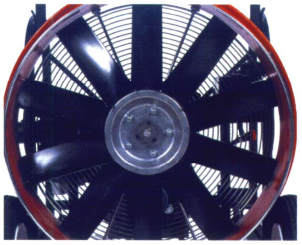

ĐỘNG CƠ CÁNH QUẠT NỐI THẲNG

Loại	kích cỡ cánh quạt (inch)	mã lực (HP)	lượng gió (CFM)	trọng lượng (Kg/Lbs)
DD 18-B-5.5 (910-1121)	18	5.5	14,341	38/83
DD 21-B-5.5 (910-1141)	21	5.5	18,025	40/87
DD 24-B-5.5 (910-1161)	24	5.5	19,232	44/97

Loại	kích cỡ cánh quạt (inch)	mã lực (HP)	lượng gió (CFM)	trọng lượng (Kg/Lbs)
DD 18-H-4.8 (910-1120)	18	4.8	14,773	39/85
DD 21-H-5.5 (910-1140)	21	5.5	20,152	41/90
DD 24-H-5.5 (910-1160)	24	5.5	19,606	45/99

OPTION ỐNG DẪN GIÓ CÓ THỂ GẤP LẠI GỌN GÀNG

25FT (7,65 M)

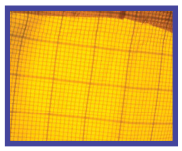

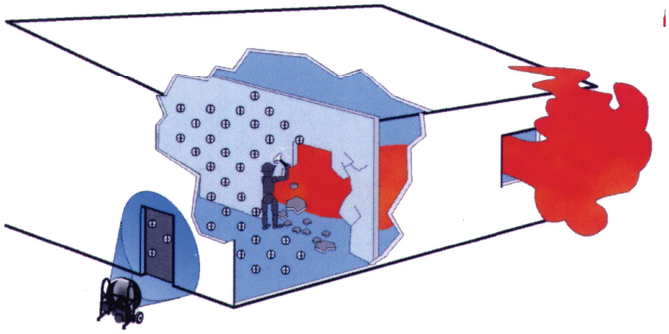

Hút khói trong tòa nhà và nhà kho

8440 - 20	dùng cho quạt cỡ 18 inch
8440 - 22	dùng cho quạt cỡ 21 inch
8440 - 26	dùng cho quạt cỡ 24 inch

QUẠT HÚT KHÓI TIÊU CHUẨN AMCA

Là loại quạt có sức gió cao, dùng trong công việc cứu hỏa ,cứu nạn và hút khí khác, bên trong quạt được làm bằng nhôm, có thể di chuyển dễ dàng, có bánh và tay cầm để đẩy, có nhiều kích cỡ để lựa chọn.

BELT-DRIVE
có dây cô
roa kéo cánh quạt

FLIP-UP
FOLD-DOWN

TAY CẦM ĐẨY
LÊN-XUỐNG

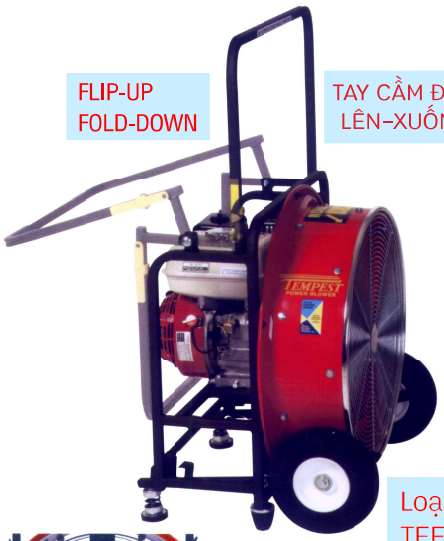

Loại dùng mô-tơ điện TEFC chống nước hay EXPLOSION PROOF chống nổ

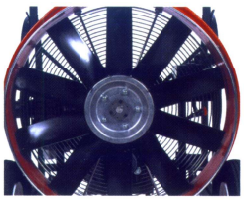

CÁNH QUẠT "AIR-FLEX"

Loại dùng động cơ ben xin (có dây cô -roa)

Diện TEFC OR EXP

Loại	kích cỡ cánh quạt (inch)	mã lực (HP)	lượng gió (CFM)	trọng lượng (Kg/Lbs)
SS-18-S-1.0-EP (910-1221)	18	1	8,748	37/81
SS-21-S-1.0-EP (910-1241)	21	1	11,698	39/86
SS-24-S-1.0-EP (910-1261)	24	1	12,867	43/95

ĐỘNG CƠ DÙNG DÂY CÔ - ROA KÉO CÁNH QUẠT
BELT -DRIVEN ENGING DRIVEN

Loại	kích cỡ cánh quạt (inch)	mã lực (HP)	lượng gió (CFM)	trọng lượng (Kg/Lbs)
BD 18-H-4.8 (910-1020)	18	4.8	15,023	44/97
BD 21-H-5.5 (910-1040)	21	5.5	17,743	46/101
BD 24-H-5.5 (910-1060)	24	5.5	18,130	51/112

Loại	kích cỡ cánh quạt (inch)	mã lực (HP)	lượng gió (CFM)	trọng lượng (Kg/Lbs)
SS-18-S-1.0 (910-1220)	18	1	8,748	35/76
SS-21-S-1.0 (910-1240)	21	1	11,698	37/81
SS-24-S-1.0 (910-1260)	24	1	12,867	41/90

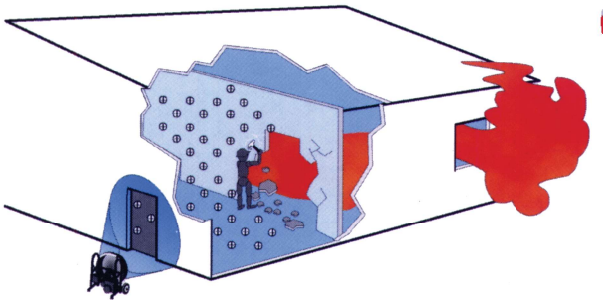

Hút khói trong tòa nhà và nhà kho

OPTION ỐNG DẪN GIÓ CÓ THỂ GẤP LẠI GỌN GÀNG

25FT (7,65 M)

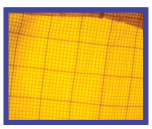

8440 - 20	dùng cho quạt cỡ 18 inch
8440 - 22	dùng cho quạt cỡ 21 inch
8440 - 26	dùng cho quạt cỡ 24 inch

SERVICE EQUIPMENT
CÁC THÀNH PHẦN CẤU TẠO THIẾT BỊ CHỮA CHÁY

E – Z BINDER
MÁY QUẤN ỐNG NƯỚC CHỮA CHÁY BẰNG DÂY KẼM
Sử dụng mô-tơ điện 220V
quấn khớp nối loại nối nhanh
dạng rãnh

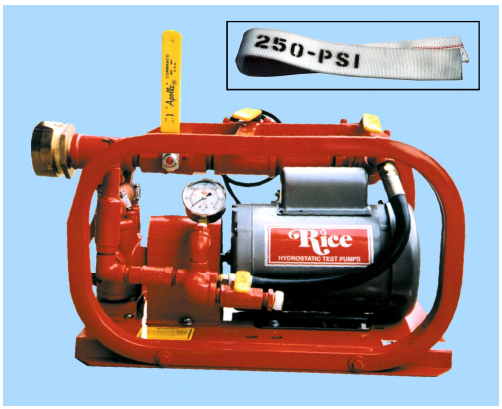

HOSE TESTER LOẠI EL-FHT
KIỂM TRA ỐNG NƯỚC CHỮA CHÁY
Theo tiêu chuẩn NFPA 1962-5 & PMA
kích cỡ ống nước chữa cháy 1 ½"– 4" (2) dây.
Loại FHT thử được đến 4 dây.

STENOR HOSE REPAIR
HỆ THỐNG SỬA CHỮA ỐNG NƯỚC CHỮA CHÁY

SCBA & SCUBA CYLINDER FILLING MACHINE
THIẾT BỊ NÉN KHÍ SCBA

Loại MCH6/SH nhãn hiệu COLTRI
SUB dạng động cơ
- Động cơ ben – xin 4 thì 5,5 mã lực
- Cho lượng khí 100 lít/phút có 1 đầu nén
- Máy cỡ 300 BAR áp lực cao 4300 PSI
- Trọng lượng máy 47,3 kg.

Loại MCH6/EM nhãn hiệu COLTRI
SUB dạng điện
- Thiết bị dùng mô-tơ điện 1 pha, 2,2 KV.
- Cho lượng khí 80 lít /phút có 1 đầu nén
- Máy cỡ 300 BAR áp lực 4300 PSI.
- Trọng lượng máy 57,1 kg.

THIẾT BỊ KIỂM TRA HỆ THỐNG CHỮA CHÁY

WATER FLOW KIT

- Đã qua kiểm chứng UL
- Gồm 6 đầu máy đo các dòng chảy trong phạm vi từ 110 – 1600 gpm (400 6000 lpm) ở 40 -120 psi (280 830 kpa)
- Giữ đầu ống pitot vững chắc đúng trong vị trí dòng chảy.
- Đô chính xác khoảng 1 %
- Độ bền cao, có hộp đựng bảo vệ, sách hướng dẫn, đồng hồ đo dòng chảy nhiều lớp.
- Tiêu chuẩn đo lường của HOA KỲ hoặc số liệu tương đương.
- Các kích cỡ đầu tiêu chuẩn : ¾", 1 1/8", 1 ½", 1 ¾", 2", 2 ½".
- **Loại FK – 25**

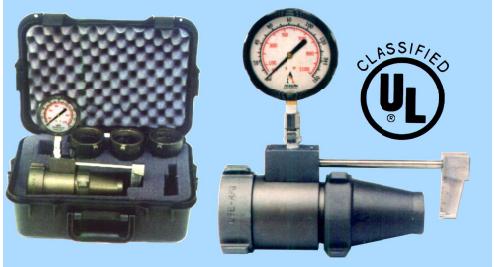

PITOT GAUGE

Đo áp lực đầu thẳng để xác định lưu lượng chảy hoặc công suất máy bơm, lưỡi dao được hiệu chỉnh cho các kích cỡ đầu khác nhau.

- Loại **HH – Pitot**
- Van petcock cho khí rò rỉ
- Bao gồm loại 91000 dòng chảy lửa/đo độ mất mát do ma sát và hộp đựng bảo vệ.
- Trọng lượng 4 lbs.

Loại HH – PITOT
cùng loại 91000
dòng chảy lửa/đo
độ mấtmát
do ma sát

MÁY NÉN KHÍ NHÃN HIỆU COLTRI

Máy Nén Khí Nhãn Hiệu COLTRI Sử Dụng Trong Việc Nạp Bình SCBA Và SCUBA.

Nạp khí cho bình khí ở áp suất 200 và 300 bar (2215 – 4500 PSI) là máy nén khí kích cỡ 3 piston, có thể nạp 100 – 265 lít trên một phút, khoảng 10 – 20 phút trên một bình, khí được nạp là loại khí theo tiêu chuẩn khí trong lành DIN 3188 và EN 12021 tiêu chuẩn chất lượng trong sản xuất ISO 9001 : 2008, tùy chọn loại nạp 1 hoặc 2 bình, sử dụng động cơ hay mô tơ điện 230 V – 380 V, phụ tùng bao gồm đồng hồ đo thời gian làm việc và tủ nước dùng trong việc nạp khí an toàn.

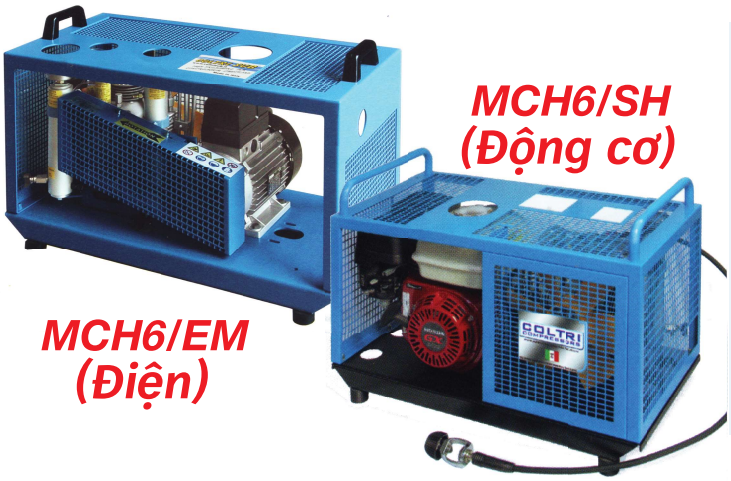

Loại MCH6/SH và MCH6/EN kiểu di chuyển được

Loại : MCH6/SH (5,5 mã lực) và loại : MCH6/EM (230/1/50 2,2 KW)
Khối lượng nén khí : MCH6/SH–100 lít/phút (6m3/h)
Khối lượng nén khí : MCH6/EM–80 lít/phút (4,8m3/ h)

Loại MCH13/DL và SH và MCH13/EN có thể di chuyển được

Loại : MCH13 /DL (7 mã lực) và loại : MCH13/SH (8 mã lực) và loại MCH13/EM (230/1/50 5 KW)
Khối lượng nén khí : 200/300 bar (2216–4500PSI)
Kích cỡ (theo khối lượng) : 64x113x40 cm
Trọng lượng : 140 kg

HOUR METER

Loại MCH16 / ET (dùng trong nơi nạp bình khí kích cỡ nhỏ–lớn)

Loại : MCH16 (7,5 mã lực) và MCH16/ET (380/3/50 5,5 KW)
Khối lượng nén khí : 265 lít/phút (16m3/h)
Áp suất khí : 200/300 bar (2216–4500 PSI)
Kích cỡ (theo khối lượng) : 64x113x40 cm
Trọng lượng : 160 kg

TOTAL CARE, TRAINING, SALES, SERVICE FIRE, RESCUE, SAFETY QUAN TÂM VÀ PHỤC VỤ TẬN TÌNH

Dịch vụ sử chữa đầu phun nước chữa cháy

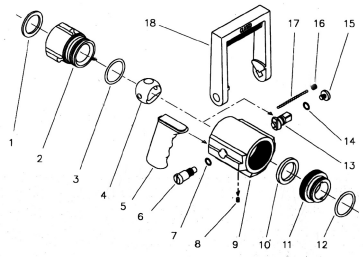

- ☐ Thay thế các phụ tùng hư hại
- ☐ Kiểm tra hệ thống phun nước
- ☐ Làm vệ sinh sạch sẽ và bôi trơn
- ☐ Kiểm tra hệ thống làm việc

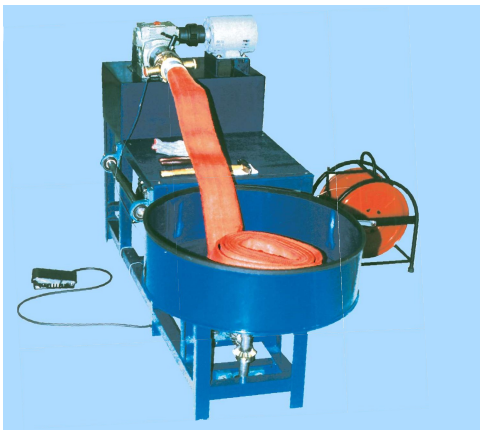

- ☐ Quấn lại khớp nối bằng sợi thép không gỉ
- ☐ Kiểm tra hệ thống khớp nối và chất lượng làm việc
- ☐ kiểm tra hệ thống khớp nối, chất lượng làm việc

Dịch vụ kiểm tra ống chữa cháy theo tiêu chuẩn NFPA
Dịch vụ sửa chữa khớp nối ống chữa cháy

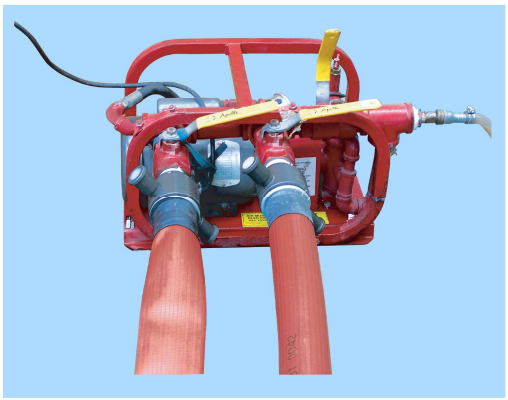

Dịch vụ nạp chất lỏng chữa cháy

- ☐ Nạp chất lỏng chữa cháy CO2 và các loại chất lỏng khác
- ☐ Thay thế các phụ tùng bị hư hại
- ☐ Kiểm tra hiện trạng bình chữa cháy

Dịch vụ kiểm tra hệ thống áp lực nước chữa cháy

- ☐ Dịch vụ bơm khí nén
- ☐ Dịch vụ kiểm tra hiện trạng bình khí (HYDROTEST)
- ☐ Thay thế các phụ tùng bị hư hại
- ☐ Dịch vụ sản xuất vũ khí và nâng cấp tuổi thọ vũ khí

Dịch vụ giặt giũ và sửa chữa trang phục chữa cháy

- ☐ Dịch vụ giặt trang phục chữa cháy
- ☐ Dịch vụ sửa chữa trang phục bị hư hại
- ☐ Thay thế viền phản quang

Máy cắt cứu trợ cứu hộ AMKUS RESCUE SYSTEMS

- ☐ Tập huấn cách chữa cháy khoá advance
- ☐ Tập huấn cách sử dụng SCBA
- ☐ Tập huấn cách đề phòng khi chất hoá học bị rò rỉ
- ☐ Tập huấn kế hoạch chữa cháy cấp quản lý

Dịch vụ kiểm tra chất lượng chất tạo bọt theo tiêu chuẩn BS hay NFPA

Nhãn hiệu VS FOAM tiêu chuẩn UL
Nhãn hiệu DELTA FOAM tiêu chuẩn BS

- ☐ Kiểm tra và đo mức độ chất tạo bọt
- ☐ Kiểm tra thiết bị pha trộn và phun chất tạo bọt

RESCUE EQUIPMENT DỤNG CỤ CỨU HỘ

Giá cứu hộ, cứu thương và bảo đảm an toàn

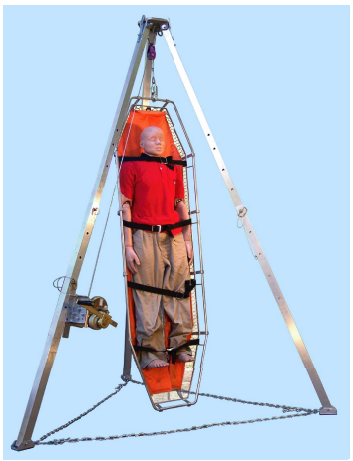

E-Z MAN TRIPOD + JUNKIN JSA 300 CS

E-Z MAN TRIPOD+SKED RESCUE SYSTEM
Siêu giá cứu hộ di chuyển người bị thương từ trên cao, lọt vào tốp 10 thiết bị cứu hộ tốt nhất thế giới. có thể sử dụng trong tư thế thẳng đứng để xuống nơi chật hẹp hoặc góc song song với mặt đất, dùng trong việc di chuyển thông thường, là loại giá cứu hộ duy nhất có thể di chuyển người bị thương mà chỉ cần 1 người giúp bằng cách kéo, có thể sử dụng trong tình huống người bị thương nhiều hơn người cứu thương như : rò rỉ hóa chất. sản xuất tại HOA KỲ.

7. Loại JSA-365 tấm ván lót lưng loại dài cùng các lỗ xỏ dây nhanh là một sợi chung, lỗ tay cầm 12 lỗ, mặt trên mịn, mặt dưới lồi để bảo vệ nạn nhân và giá cứu hộ. tia bức xạ nhiệt X-RAY có thể bắn xuyên qua được 100% và có thể đưa vào thiết bị MEI được, chịu sức nặng được 400 pounds (182 kg)màu vàng dài 183 cm (72 inch), rộng 41 cm (16 inch),dày 4,5 cm (1,75 inch).

8. Loại JSA-363-BF thiết bị kẹp giữ đầu, dùng chung với JSA – 365S có tấm xốp hai bên trái phải để cố định đầu cùng lỗ tai nghe, dây thắt đầu có thể điều chỉnh, có tấm xốp lót dưới đầu loại nhỏ.

9. Loại JSA-360-S dây đai thắt người bị thương cùng speed clip (lỗ xỏ nhanh) có thể điều chỉnh độ dài, có dây thắt 3 sợi, có thể đeo vào và tháo gỡ nhanh.

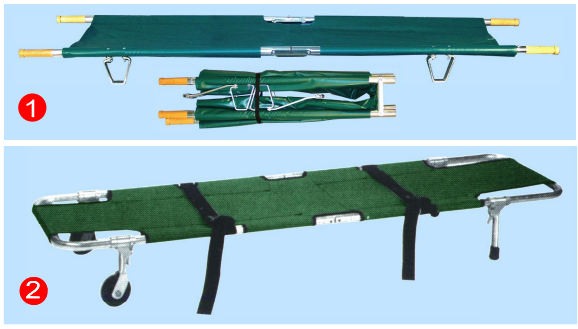

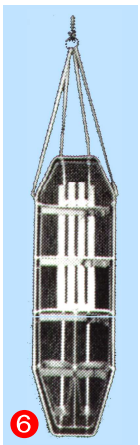

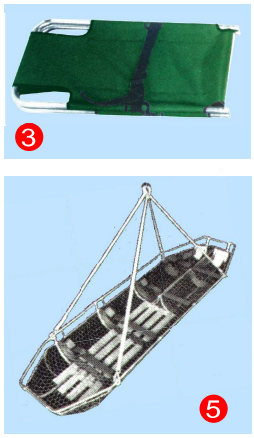

MADE IN U.S.A.

JUNKIN

RESCUE STRETCHERS – giá cứu hộ loại nhập khẩu

1. **Loại JSA-601-NA** giá cứu hộ dạng gấp nửa làm bằng nhôm, có tay cầm bằng gỗ dài 86 inch, trọng lượng nhẹ chỉ 14 pound(6,4 kg), chịu sức nặng lên tới 300 pound (137 kg) vải làm từ ni – lông nhúng cao su tổng hợp, loại cứng , chắc , làm vệ sinh và diệt khuẩn dễ dàng.
2. **Loại JSA-602** giá cứu hộ dạng gấp nửa, làm bằng nhôm , có tay cầm và bánh xe, dài 74 inch, trọng lượng nhẹ 13 pound(6kg), chịu sức nặng 300 pound(137 kg), vải làm từ ni – lông nhúng cao su tổng hợp, loại cứng , chắc , làm vệ sinh và diệt khuẩn dễ dàng.
3. **Loại JSA-603** giá cứu hộ dạng gấp nửa làm bằng nhôm, có tay cầm (không có bánh), dài 74 inch, trọng lượng nhẹ 13 pound (6kg), chịu sức nặng lên đến 300 pound (137 kg), vải làm từ ni – lông nhúng cao su tổng hợp, loại cứng , chắc , làm vệ sinh và diệt khuẩn dễ dàng (giống loại JSA – 602 nhưng không có bánh.)
4. **Loại JSA-400** giá cứu hộ làm bằng nhôm, có thể nới ra được và tháo gỡ thành 2 phần đầu và đuôi, dùng cho nạn nhân bị thương không cử động được hoặc không nghiêng người được, có dây thắt 3 sợi, có thể móc vào và tháo ra nhanh, độ dài tùy chỉnh 49,5 inch – 80 inch, trọng lượng nhẹ 21,5 pound (9,8 kg) chịu sức nặng 400 pound (181 kg) làm vệ sinh và diệt khuẩn dễ dàng.
5. **Loại JSA-300+302+300X** giá cứu hộ dạng lưới cùng tấm xốp lót giá và dây đeo để nhấc, trọng lượng nhẹ, có dây thắt 3 sợi, loại 302 cùng tấm xốp lót giá và dây đeo để nhấc, làm từ sợi chất sơ tổng hợp chắc, khỏe, làm vệ sinh và diệt khuẩn dễ dàng, loại 300x có dây đeo để nhấc theo thế thẳng đứng và thế nằng ngang, có thể nâng được trọng lượng đến 2000 pounds, dài 80, 5 inch, rộng 22,5 inch, trọng lượng 31 pounds (14kg), chịu sức nặng 300 pounds (137 kg).
6. **Loại JSA-300CS+302+300X** giá cứu hộ dạng lưới cùng tấm xốp lót giá và dây đeo để nhấc, giá cứu hộ dùng trong nơi chật hẹp, chức năng giống JSA – 300 dài 81,5 inch, trọng lượng 23 pounds (10,5 kg), chiều ộng 19 inch (48 cm)chịu sức nặng được 300 pounds (137 kg) (dùng chung với dụng cụ 3 chân).

Lưu ý: giá cứu hộ nhãn hiệu JUNKIN sản xuất tại HOA KỲ cùng chứng nhận tiêu chuẩn **MIL-SPEC** và đã qua kiểm chứng tiêu chuẩn.

PACIFIC FIRE AEC

WATER JEL
Kích cỡ 6 x 5 ft (183 x152 cm)
dùng để chữa cháy, trong nhà , trong trường hợp có người bị cháy, bỏng có thể dùng để trùm lên người bị cháy.

JUNKIN SAF 1002 WOOL FIRE BLANKET
Chăn làm từ WOOL 100% , kích cỡ 62" x 82"
dùng để trùm mình thoát khỏi ngọn lửa (không cần nhúng nước).

- Kích cỡ vừa vặn, tùy chọn 2 kích cỡ 1,2 x 1,2 m, 1,2 x 1,8 m
- Thích hợp cho việc chữa cháy trong nhà bếp
- Thích hợp cho việc chữa cháy khi lửa cháy trên người

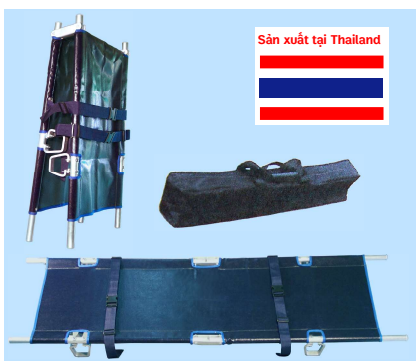

Loại TH 001
Gấp được 2 kiểu để tiện lợi cho việc cất giữ trong túi.

Loại TH 002
Giá cứu thương , khung làm bằng nhôm,vải lót làm từ vải cao su Gấp được 2 kiểu để tiện lợi cho việc cất giữ trong túi.

RESCUE
R1
CỨU HỘ

CONFINED SPACE RESCUE EQUIPMENT
THIẾT BỊ CỨU HỘ TRONG VÙNG HIỂM KHÍ

Bộ EZE-MAN+giá cứu hộ dạng lưới loại JSA-300 CS

Bộ dụng cụ 3 chân loại EZE-MAN cấu tạo bởi

- TRIPOD HEAD ASSEMBLY loại 15300
- TRIPOD LEG ASSEMBLY loại 15301
- TRIPOD WINCH loại 15300
- Cao 213 cm, chiều cao khi làm việc 124,4 cm
- Trọng lượng an toàn khi nâng (SWL) 500 lbs (227,2 kg), trọng lượng cao nhất có thể nâng 5000 lbs (2,27 tấn)
- Làm từ hợp kim nhôm cứng, chắc và nhẹ.
- Cả 3 chân có thể điều chỉnh, cùng dây xích cố định và lót chân cao su chống trơn.
- Ròng rọc và sợi dây cáp loại EZE-MAN kích cỡ 3/16" x 75 ft), (4,7 mm x 23 m)
- Trọng lượng an toàn khi nâng (SWL 35 lbs) (159 kg)
- Có thể sử dụng chung với dây chống rơi và ròng rọc chống rơi.
- Cùng dụng cụ ròng rọc và lưỡi móc.

Bộ EZE-MAN+giá cứu hộ SKED

Bộ EZE-MAN+Lifting bridle và dây bảo hiểm toàn thân

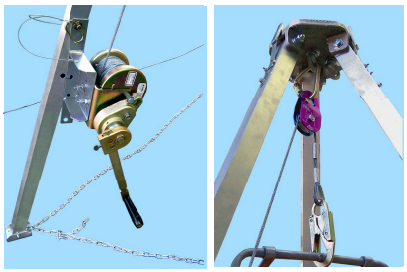

EZE-MAN TRIPOD WINCH SINGLE PULLEY & SNAP HOOK

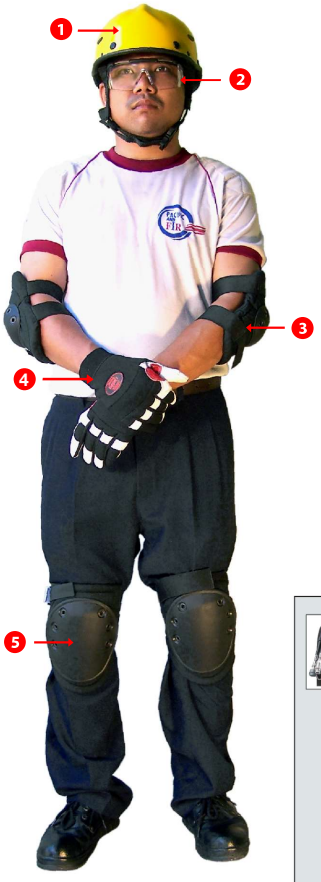

RESCUE
Công việc cứu hộ

Dây bảo hiểm toàn thân loại 151720 dành cho người bị thương hoặc nhân viên cứu hộ.

Dây bảo hiểm nửa người loại 155770
tiêu chuẩn NFPA.

Lưu ý : có tay cầm ở vai, lưng, bụng và eo , tiêu chuẩn NFPA.

Dụng cụ bảo vệ nhân viên cứu hộ.

1. Mũ loại 450222
2. Kính bảo hộ loại Nemesis
3. Tấm lót cùi chỏ loại 450540
4. Bao tay an toàn loại Rappel I
5. Tấm lót đầu gối loại 450530.

Loại PSS 5000
cùng dây lót vai có vải bao bọc, thiết bị bơm khí cho đồng nghiệp (BUDDY)

RESCUE

R2

CỨU HỘ

ROPE RESCUE EQUIPMENT THIẾT BỊ CỨU HỘ

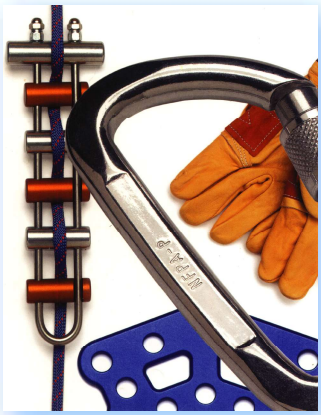

Thiết bị và dụng cụ cứu hộ các loại. Dây bảo hiểm
tiêu chuẩn NFPA

- D – RING
- Dây đai an toàn
- Bao tay dùng để trèo xuống
- Ròng rọc an toàn là loại thiết bị dùng để trèo lên–xuống,
- có thể dùng chung với thiết bị
- khác hoặc có thể sử dụng riêng.

American Safety & Rescue

SAFETY ROPE

TO NFPA 1983
DÂY THOÁT HIỂM
- Kích cỡ 3/8 inch (10mm) tải trọng 2954 kg

Dây thừng dùng để trượt lên -xuống
- Kích cỡ 7/6 inch (11 mm) Tải trọng 4318 kg
- Kích cỡ ½ inch (12,5 mm) Tải trọng 3636 kg
- Kích cỡ 5/8 inch (16,5 mm)
- Tải trọng 5682 kg.

Bộ dụng cụ cứu hộ loại 165140
- Ròng rọc 4 : 1
- Dây hoặc dụng cụ cứu hộ đủ bộ

Bao tay bằng da dùng để leo trèo loại Proflex 740 Kích cỡ vừa tay, làm bằng da và vải dãn hồi (bền bỉ và vừa tay) lót da ở lòng bàn tay và ngón cái, kích cỡ M, L, XL.

Bao tay da dùng để leo trèo loại LR–10, da nguyên chất kích cỡ nửa ngón tay, màu đen, làm bằng da nguyên chất, lót da ở lòng bàn tay và có xốp chống va đập sau bàn tay, kích cỡ M, L, XL.

Bao tay cứu hộ loại Ringers 314 dùng trong việc cứu hộ, cứu nạn, độ bền cao, chống ma sát, chống xước và chống trơn, làm từ loại vải đặc biệt clarin, kevlar, Griptile, có vải dãn hồi ở cổ tay chống thấm nước và chống các vật liệu khác đi vào lòng bàn tay.

Petzl Ascension Ascender.
Thiết bị dùng để kéo lên
Loại 115210
dành cho tay phải, màu xanh da trời
Loại 115200
dành cho tay trái màu vàng.

Petzl Footpro Foot Loop
Thiết bị dùng để kéo bằng cách giẫm ròng rọc

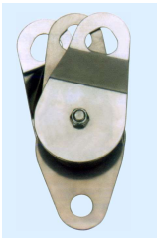

Loại ASR 135119
Loại 135108 ròng rọc đôi kích cỡ 2 inch, dùng bi Olite chịu tải trọng lên đến 9200 pounds
Loại 135112 ròng rọc đơn kích cỡ 3 inch, dùng bi Olite chịu tải trọng đến 9200 pounds
Loại 135119 ròng rọc đôi kích cỡ 4 inch, dùng bi Olite chịu tải trọng lên đến 14100 pounds

Ròng rọc đôi (TWIN PULLEY) "CAMP" #1097

Thiết bị kéo lên loại GIBB# 3
làm từ gang, kích cỡ ½ inch cùng sprink

Thiết bị dùng để lên–xuống loại Traverse 540
dùng với loại dây không quá 11 mm, tiêu chuẩn NFPA.

D-Ring

D–RING loại 105720 loại nối nhanh dùng một tay
D–RING loại OK làm bằng nhôm có khóa dạng vặn
D–RING loại 105275 cỡ lớn làm bằng sắt có khóa dạng vặn.

Loại P49 Roll Module
bộ bảo vệ dây khỏi ma sát

Figure 8 loại 125130
cỡ lớn, làm bằng sắt, dùng với dây 11 – 12,5 mm

Figure 8 loại 125112
cỡ nhỏ, làm từ nhôm dùng với loại dây 10 mm

RESCUE
R3
CỨU HỘ

ROPE RESCUE EQUIPMENT THIẾT BỊ CỨU HỘ

ROPE RESCUE EQUIPMENT
Dụng cụ cứu hộ dành cho việc leo trèo
Loại 145185 ROPE SWIVEL
tiêu chuẩn NFPA
dùng chung với loại giá cứu hộ
dạng lưới để đề phòng dây xiết

Loại 255440 dây thắt (Anchor strap)
dài 84 x rộng 1,75 inch (tùy chỉnh)
Loại 255450 dây thắt (Anchor strap)
dài 120 x rộng 1,75 inch (tùy chỉnh)

PETZL loại I,D DESCENDER
dùng trong việc lên xuống,
dành cho nhân viên hoặc
đồ đạc

Loại 1079
ròng rọc đôi

Túi ba lô đựng dây thừng
và dụng cụ leo trèo.
Loại 460450 túi đựng dây thừng
dài 40 – 70 m, màu xanh da trời,
màu đỏ, màu cam
Loại 461010 túi đựng dụng cụ
leo trèo màu đỏ

Loại P & F 1000 TÚI CỨU HỘ TÒA NHÀ CAO TẦNG
Số lượng 5 đơn vị, đèn pin loại MAG 6- D, rìu,
chăn chống cháy, mặt nạ chống khói và túi ba
lô để thực hiện nhiệm vụ một cách nhanh chóng
trên tòa nhà cao tầng, khách sạn, bệnh viện,
siêu thị và trường học.

Mũ cứu hộ.
- Loại 450222 HD mũ cứng, chắc làm từ sợi kevlar
- Loại POD mũ cứng, chắc (có chỗ cắm đèn pin)

Bộ đèn báo hiệu trên mui xe cứu hộ.

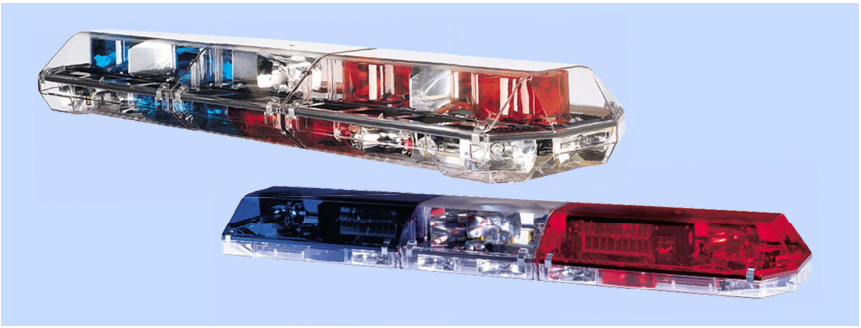

Bộ đèn báo hiệu dành cho xe cứu hộ cùng nền chân đèn làm bằng STAINLESS có thể chọn màu tùy theo tính chất công việc và có thể dùng chung với loa si-ren.

- Dạng hộp loại CJD-6000 dùng dòng điện trực tiếp 12 V với loại bóng HALOGEN 8 bóng
- Dạng tròn loại CJD-1200 dùng dòng điện trực tiếp 12 V với loại bóng HALOGEN 10 bóng.

Loại PARAT C nhãn hiệu DRAGER
Chống khí ga và các loại chất bay hơi
nguy hiểm từ vụ cháy.
Chống khí ga độc lên tới 15 phút,
sử dụng trong tình huống thoát khỏi
vùng rò rỉ hóa chất
như : H2S ở 2500ppm đến 30 phút.
Kích cỡ : “FREE SIZE”
tiêu chuẩn
EN 403 : 1993

EMERGENCY MEDICAL DỤNG CỤ CẤP CỨU

Bộ thiết bị trợ thở dạng dùng tay bóp,
loại EZY-BAG dụng cụ gồm 5 miếng, mặt nạ,
bộ van bệnh nhân cùng cao su để bóp, bộ
van khí ôxi, túi ôxi phụ.
Chức năng : cúng cấp ôxi cho bệnh nhân
bằng cách bóp.

Bộ thiết bị trợ thở dạng bình khí ôxi loại DP-500
bình khí ôxi 425 lít, bộ regulator để điều chỉnh áp
suất mặt nạ trợ thở và dây dẫn khí cùng túi đựng.
Chức năng : cúng cấp ôxi cho bệnh nhân qua bình
khí ôxi.

Bộ thiết bị trợ thở loại LPS PORTABLE RESUSCITATOR
Bình khí ôxi 637 lít, bộ regulator để điều chỉnh áp suất,
bộ van cung cấp khí ôxi, bộ hút đờm, mặt nạ, 2 ống
dẫn khí cùng hộp đựng.
Chức năng : cúng cấp ôxi cho bệnh nhân qua bình
khí ô xi và bộ hút đờm

Bộ dụng cụ y tế 25 đơn vị bao gồm túi đựng
Kích cỡ, có túi cỡ nhỏ và cỡ lớn
Chức năng : cúng cấp chăm sóc y tế cơ bản
cho bệnh nhân.

Bộ dụng cụ cố định cổ dạng cứng
loại JSA-20-05 (4 miếng/bộ)
Kích cỡ : được phân theo màu
Trẻ em : màu đỏ, nhỏ (S) : màu vàng,
vừa (M) : màu cam, cỡ lớn (L) : màu xanh nhạt
Chức năng : có thể làm vệ sinh và tiếp tục sử dụng được
gồm 2 miếng, có thể xiết chặt và điều chỉnh kích cỡ với
viền velcro, lỗ khoan vùng cổ họng cỡ lớn bức xạ X-RAY
có thể xuyên qua 100%,
dùng chung với dụng cụ cố định đầu loại JSA - 363B
cùng túi đựng chống thấm nước.
Bộ dụng cụ cố định cổ dạng cứng loại PHILADELPHIA
(4 miếng / bộ)
Kích cỡ : phân theo màu
Trẻ em : màu đỏ, nhỏ (S) : màu vàng, vừa (M) : màu cam,
cỡ lớn (L) : màu xanh nhạt
Chức năng : làm thành một miếng chỉ dùng một lần.

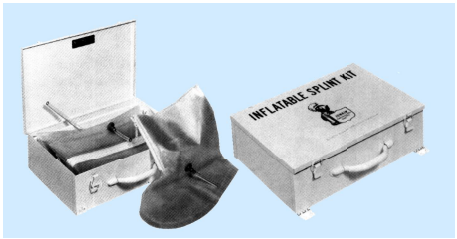

Bộ dụng cụ cố định bằng hơi(6 miếng / bộ)
loại JUNKIN-18 -20
Kích cỡ loại 01 nửa cánh tay, loại 02 - cả cánh tay,
loại 03 - nửa chân, loại 04 - cả chân,
loại 05 - bàn chân và cổ chân,
loại 06 - bàn tay và cổ tay.
Chức năng : làm từ cao su tổng hợp 2 lớp,
đeo vào và tháo ra dễ dàng với zip dài.
Van thổi khí đóng/ mở dễ dàng
Đựng trong hộp kim loại cùng bộ dụng cụ
sửa chữa lỗ thủng
Bộ đai thổi hơi PVC (bộ 6 miếng)
Kích cỡ : Kích cỡ loại 01- nửa cánh tay,
loại 02 - cả cánh tay, loại 03 - nửa chân,
loại 04 - cả chân, - loại 05 - bàn chân và cổ chân,
loại 06 - bàn tay và cổ tay.
Chúc năng : đeo vào và tháo ra dễ dàng với zip,
có bơm để bơm hơi.

Sản xuất tại Thailand

Áo phao màu cam cùng còi
Loại L-311 ZEBRA tải trọng 70 kg
Loại S-LIGHT-XL tải trọng 120 kg

WATER SAFETY AND RESCUE DỤNG CỤ BẢO HỘ ĐƯỜNG THỦY

Bộ dây phao cứu hộ đường thủy
Chọn chiều dài, dài 40 ft, (12,24 m) hoặc 75ft (23,0 m)
Chức năng của dây : dây nổi trên mặt nước,
cứng, chắc và chống nắng.
Đựng trong túi vải cordura và vải lưới.
Loại 375100 kích cỡ 3/8" (10 mm) x dài 40 ft
tải trọng 2600 pounds
Loại 375120 kích cỡ 7/16" (11 mm) x dài 40 ft
tải trọng 5000 pounds

Phao cứu hộ

Làm từ PVC cùng dây
Loại WL 6666
(vòng ngoài 23" vòng trong 14")
Loại WL 5556
(vòng ngoài 28" vòng trong 17")

Làm từ fiber glass tiêu chuẩn SOLAS 96
Loại R-007
(vòng ngoài 24" vòng trong 13")
Loại R-008
(vòng ngoài 28" vòng trong 18")

RESCUE
R5
CỨU HỘ

EMERGENCY ESCAPE RESCUE EQUIPMENT
THIẾT BỊ THOÁT HIỂM KHẨN CẤP

LOẠI ESCAPE–RITE BỘ THOÁT HIỂM TỰ ĐỘNG

ESCAPE RITE LOẠI 1003

- Bộ trượt dây thoát hiểm tự động tốc độ 1m/s.
- Thích hợp cho việc cứu hộ hoặc thoát hiểm.
- Dây cáp làm từ polysteel (kim loại bọc cao su tổng hợp).
- Chiều dài 300 fts (100 m) cùng dây thắt lưng 2 sợi.
- Chứng nhận an toàn từ HOA KỲ.

Cách sử dụng : cài đặt bộ ESCAPE – RITE ở vị trí vững chắc, phần trên đeo dây an toàn ở vị trí dưới ngực, ném dây cáp xuống dưới, nắm dây an toàn thật chặt rồi bước đi để trượt dây, khi có người đang trượt dây, dây an toàn bên còn lại sẽ nổi lên và có thể cho người thứ 2 đeo vào và tiếp tục trượt xuống.

Khu vực sử dụng : nhà cao tầng, bệnh viện, khách sạn, siêu thị, nhà máy điện, nhà máy luyện dầu và khu vực đang xây dựng, sử dụng chung với dây bảo hiểm toàn thân và cáng lưới .

LOẠI THE LIFE CUBE – ĐỆM KHÍ AN TOÀN

Sử dụng để đỡ người nhảy từ độ cao 30 m (nhà 10 tầng) trọng lượng nhẹ và vật liệu bền, cách điện, khung gồm trụ và đà được nén chắc bằng bình khí (máy quạt,máy phát điện và thiết bị điện tử khác không cần dùng) cài đặt nhanh, di chuyển mà không cần phải nhả khí ra trước, độ an toàn cao với tiêu chuẩn DIN 14151 cùng sách hướng dẫn sử dụng bằng tiếng anh, tiếng thái và có tập huấn cách sử dụng.

Đưa thiết bị LIFE CUBE đến hiện trường và mở ra (0 giây)

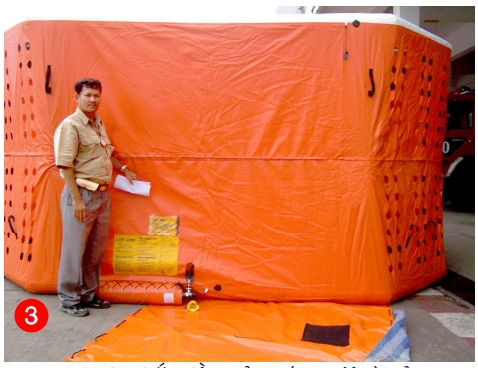

LIFE CUBE bắt đầu nở ra (25 giây) nở ra tối đa (30 – 35 giây)

Người đầu tiên chuẩn bị nhảy xuống (30 giây)

Mở van bình khí kích cỡ 8 lít, áp l ực 300 bars (3 giây).

Người đầu tiên nhảy xuống (40 giây)

Người thứ nhất xuống khỏi LIFE CUBE (45 giây) và người thứ 2 chuẩn bị nhảy

RESCUE

R6

CỨU HỘ

PARATECH RESCUE TOOLS THIẾT BỊ CHỮA CHÁY

PARATECH
Túi khí, nâng cao, áp lực thấp

Nhãn hiệu MAXIFORCE sử dụng sức nén gió, sử dụng áp lực hơi chỉ 8 bar
có thể nâng được trọng lượng đến 130 tấn và cao đến 1m
Loại 890351 gồm bộ điều khiển(bộ điều chỉnh áp lực,nút điều khiển,ống dẫn hơi)
Loại 80080 bình khí kích cỡ 80 feet3 (thiết bị phụ) là thiết bị được ưa chuộng.
- bộ 34 tấn (KPI 17x2 + 890351)
- bộ 50 tấn (KPI 17x2 + KPI 22 + 90351)

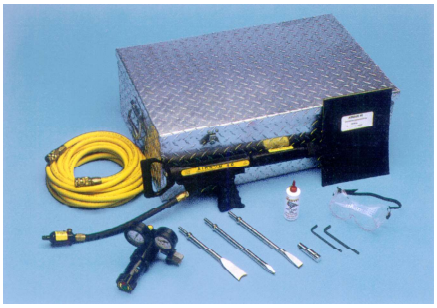

Loại PAKHAMMER 90 bộ khoan sốc dạng sử dụng hơi
Loại 55050 gồm 13 miếng được chứa trong hộp kim loại số lần 400 lần/phút ở áp lực sốc 97 feet3 và áp lực hơi 17.2 bartrọng lượng nhẹ chỉ 5.1 kg(không tính mũi khoan) tuỳ chọn mũi khoan gồm 12 loại dạng cắt, khoan, gõ, sốc

Loại AIRGUN 40 SC . Bộ khoan sốc dạng sử dụng hơi.
Loại 22 – 550006 , 27 miếng cùng bình khí chứa trong hộp kim loại số lần 600 lần/phút ở áp lực sốc 40 feet3 và áp lực hơi 17.2 bar, trọng lượng nhẹ chỉ 8.9 kg (không tính bình khí và mũi khoan)

Loại HOOLIGAN Dụng cụ bẻ đa năng 3 trong 1, dụng cụ 3 chức năng trong 1 Dụng cụ sử dụng trong việc cậy cửa sổ và cửa Đầu nhọn sử dụng bẻ ổ khoá hoặc khoan sắt và kim loại đầu ngắt sử dụng cho việc nhấc và bẻ Tuỳ chọn loại
- Loại 600 dài 30 inch (standard)
- Loại 430 (lightweight)
- Loại 601 dài 36 inch (standard)
- Loại 623 HIGH WAY (Cutting)

Loại 625 PRT Bộ đục, khoan sốc dạng thủ công
- Bộ 8 miếng sử dụng để khoan gạch các loại, gạch ngói, thép ngói, bẻ ổ khoá trong toà nhà và trong xe.
- Nhấc, bẻ, đẩy cho vỡ trong việc chữa cháy và cứu hộ
- Sử dụng nhanh, không cần sử dụng máy móc, điện hay hơi.

Loại 550 BIEL TOOLS
DỤNG CỤ CỨU HỘ ĐA NĂNG
- Kích cỡ vừa vặn dễ cầm
- 5 trong 1 dụng cụ 5 chức năng trong 1
- Cậy cửa và cửa sổ, bẻ ổ khoá, cắt sắt, đập và đóng
- Các chức năng đặc biệt dành cho nhân viên cứu hoả và cứu hộ trong việc tìm kiếm cứu mạng và thoát khỏi tai nạn trong tình huống nguy cấp
- Sử dụng chung với bộ dụng cụ cứu hộ AMKUS.

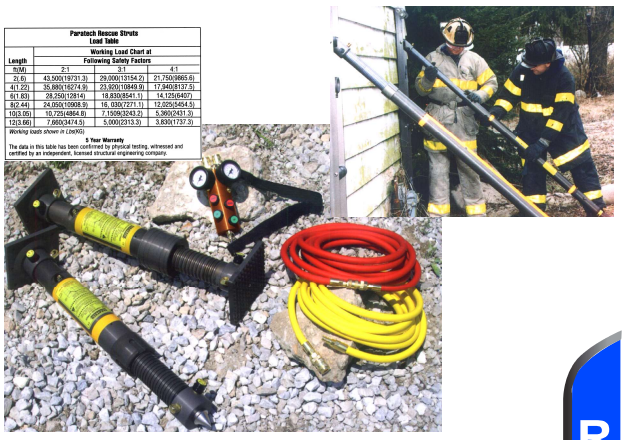

Loại PARATECH RESCUE STRUTS BỘ THANG CỨU HỘ
- Làm công việc cứu hộ, sử dụng trong việc tạo sự an toàn dành cho nhân viên cứu hộ và người bị thương
- Bộ COLLAPSE RESCUE sử dụng để phòng sự ngã và lệch xuống
  Loại 22 – 796862 gồm 16 miếng cùng bộ điều khiển
- Loại BRACE SUPPORT sử dụng để phòng khi nghiêng và lệch xuống
  Loại 22 – 796901 để phòng việc nghiêng và lệch
- Bộ VEHICLE RESCUE để phòng xe bị lật khi đổi hướng
  Loại 22 – 796582 sử dụng để phòng xe bị lệch hướng.

RESCUE
R7
CỨU HỘ

PARATECH
CẠY, KÉO, CẮT, DỤNG CỤ DÙNG ĐỂ ĐỘT NHẬP

Loại BIEL TOOL dụng cụ đột nhập riêng một khối làm từ thép không gỉ, dụng cụ gồm 5 tính năng cứu hộ, nhỏ gọn để nhân viên cứu hỏa và thành viên EMT mang theo,dùng để cạy cửa và cửa sổ, xoắn và bẻ khóa và thanh kim loại. cắt kim loại và bẻ khóa xe để vào xe. Kích thước : dài 38 cm x 1,5 kg.

Loại PRY–AXE Dụng cụ hai khối đa năng, dụng cụ dùng để đột nhập gồm 10 tính năng "Slam and Ram" được sử dụng bởi sở cảnh sát và sở cứu hỏa. dùng để cạy mở cửa và ngăn kim loại, bẻ cong chốt và khóa, cắt ngang miếng kim loại và cạy phá khung cửa sổ, đập bể kính hoặc cắt ngang miếng kim loại để vào ô tô, dễ dàng gắn trên ô tô và xe máy,. Kích thước : dài 47 cm x 3 kg

HOOLIGAN TOOL Cạy, đâm, đập, bẻ cong và cắt trong hầu hết yêu cầu của các dụng cụ đột nhập. dụng cụ 6 tính năng dành cho cứu hộ và cứu hỏa. chọn cắt kim loại hoặc móng tiêu chuẩn, tùy chọn chiều dài từ 24 inch (61 cm) đến 42 inch (106 cm) gồm 3 kiểu cơ bản : Hooligan Standard Tool, Hooligan LightWeight (Aluminum Handle) và Hooligan Spark Resistant Tool dùng trong những sự cố nguy hiểm.

PRT RESCUE KIT Bộ dụng cụ cứu hộ gõ thủ công (PRT) thanh nện trượt dẫn lực va chạm vào dụng cụ để làm vỡ, đâm, cắt và cạy khi có yêu cầu đột nhập khẩn cấp. 5 dụng cụ và 1 thanh nện được mang theo trong một túi. Phụ kiện có sẵn bao gồm các dụng cụ xỏ lỗ dành cho tính năng chữa cháy. Trọng lượng 13 kg.

PARATECH BỘ KHOAN XÓC DẠNG DÙNG HƠI

Loại AIRGUN KIT là bộ có trọng lượng nhẹ, dễ dàng di chuyển, để khoan và xóc, dùng trong cứu hộ trường hợp cần khoan và xóc, sử dụng hơi từ bình nén khí hoặc bình khí SCBA loại AIRGUN KIT, cấu tạo gồm 12 đơn vị như sau : đầu dùng để cắt, đóng , đập 3 đầu có thể cắt tấm thép mỏng và đập ổ khóa, dùng trong việc đục xuyên tường và gạch nhẹ. Sử dụng hơi rất ít nhưng lực tác động cao đến 1600 lần/ phút, trọng lượng nhẹ 3,2 kg (7 pound) có thể mua đầu dự trù để dùng trong việc triệt tiêu hóa chất, chữa cháy và cứu nạn.

Loại AIRGUN SC KIT là bộ có trọng lượng nhẹ, dễ dàng di chuyển, để khoan và xóc , dùng trong cứu hộ trường hợp cần khoan và xóc. Có chức năng đặc biệt là dùng trong việc cứu hộ từ trên máy bay loại AIRGUN SC KIT có bình nén khí được đặt trên trên súng xóc để nhanh chóng hơn khi thực hiện nhiệm vụ hoặc dùng hơi từ bình khí hoặc bình SCBA, một bộ có 10 loại đầu để thay bao gồm cả mũi khoan kim loại dạng mỏng 2 mũi, đầu để phun nước, chất tạo bọt hoặc khí ga chữa cháy, trong việc chữa cháy trên tàu thuyền hoặc máy bay, đầu phun thêm 8 loại nữa dùng trong việc cắt tấm thép mỏng, việc cứu nạn trong tai nạn ô tô và đập ổ khóa. Dùng trong việc đục xuyên tường, trọng lượng nhẹ 8,9 kg.

Loại PAKHAMMER KIT là bộ có trọng lượng nhẹ, dễ dàng di chuyển, để khoan và xóc, dùng trong việc cứu hộ trường hợp cần khoan và xóc trong việc cứu hộ nặng hơn loại AIRGUN dùng hơi từ bình nén khí hoặc bình SCBA loại PAKHAMMER cấu tạo bởi 12 đơn vị như sau, có đầu cắt, đóng , đập 3 đầu có thể cắt tấm thép mỏng và bẻ ổ khóa, dùng trong việc đục phá xuyên tường và gạch nhẹ. Sử dụng hơi rất ít nhưng lực tác động cao đến 1100 lần / phút, trọng lượng 5 kg (11 pound) có thể mua đầu dự trù để dùng trong việc triệt tiêu hóa chất, việc chữa cháy và cứu hộ trong tai nạn.

RESCUE

R7.2

CỨU HỘ

PARATECH - LIFT AND SHIFT

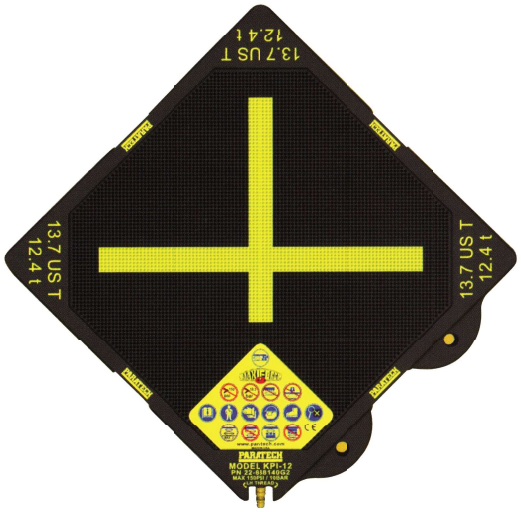

MAXIFORCE AIR LIFTING BAGS có thể nâng được trọng lượng lênđến 80 tấn (MT) và cao đến 55 cm. sử dụng áp suất hơi 10,3 bar, có thể cắm vào ổ có độ cao chỉ 3 cm lựa chọn từ 14 kích cỡ thích hợp với việc cứu hộ sập tòa nhà, cứu hộ trong tai nạn xe hơi hoặc trong công nghiệp, trọn bộ có giắc cắm dùng hơi, bộ điều chỉnh áp suất hơi và bộ điều khiển hơi, sử dụng áp suất hơi từ bình nén khí hoặc bình khí SCBA, toàn bộ chi tiết bao gồm cả tập huấn cách sử dụng có thể liên hệ với công ty.

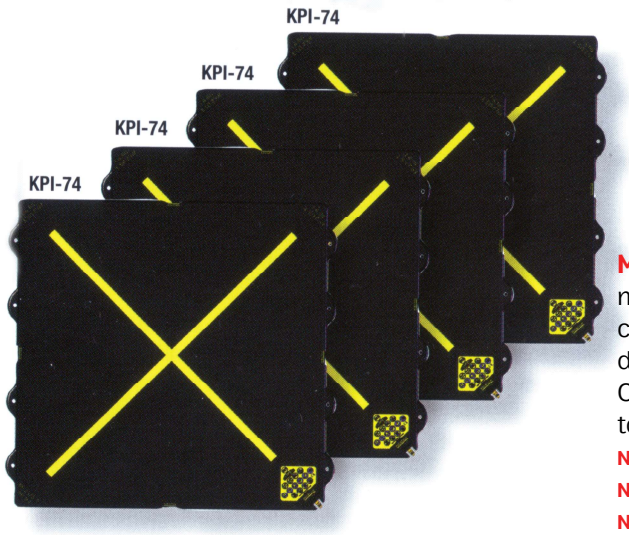

MULTIFORCE AIR LIFTING BAG là giắc cắm dùng hơi dạng 2 cái chồng lên nhau, có thể nâng được trọng lượng lên đến 28 tấn (MT) và cao đến 66 cm. có thể cắm vào ổ độ cao chỉ 11,4 cm, có thể lực chọn bộ thích hợp từ 3 bộ dưới đây: loại Remote Placement Multiforce, loại Basic Multiforce loại Compact Multiforce sử dụng áp suất hơi từ bình nén khí hoặc bình khí SCBA toàn bộ chi tiết bao gồm cả huấn luyện cách sử dụng có thể liên hệ với công ty.

Nhãn hiệu MAXIFORCE loại 22 – 890351 G2 34 TON – 2 BAG SET WITH BASIC CONTROL KIT

Nhãn hiệu MAXIFORCE loại 22 – 889050 G2 50 TON – 3 BAG SET WITH BASIC CONTROL KIT

Nhãn hiệu MAXIFORCE loại 22 – 888190 G2 VEHICLE SET WITH BASIC CONTROL KIT.

BỘ ĐIỀU CHỈNH ÁP SUẤT HƠI VÀ ĐIỀU KHIỂN GIẮC CẮM DÙNG HƠI

Loại BASIC CONTROL KIT 22-890351 G2D

Bộ điều khiển (bộ điều chỉnh áp suất, công tắc điều khiển và dây dẫn hơi) dùng với giắc cắm dùng hơi 2 cái.

Loại MASTER CONTROL KIT 22-890351 G2D

Bộ điều khiển (bộ điều chỉnh áp suất, công tắc điều khiển, dây dẫn hơi và khớp nối) dùng với giắc cắm dùng hơi tới 8 cái.

Xem thêm chi tiết : www.paratech.com

RESCUE

R7.3

CỨU HỘ

TOOL FOR RESCUE & FIRE FIGHTING
DỤNG CỤ CỨU HỘ VÀ CỨU HỎA ĐA NĂNG.

Dụng cụ đa chức năng loại FIR 2000
Bao gồm bộ vít, búa, cưa kim loại, xẻng, kìm, khóa cờ lê, xà beng (đòn bẩy), kéo cắt kim loại, Duct tape, bộ trám lỗ thủng, dao cắt dây an toàn, BIELTOOL.

Nhãn hiệu PARATECH
loại 715 HAZMAT
trám lỗ thủng
kích cỡ ¾ - 4 inch
gồm loại trám gỗ 3 cái
và loại cao su 3 cái cùng với búa nhôm và khay đựng.

Hướng gió – USA
Vật liệu là ni lông loại dày nhúng cao su tổng hợp – màu cam sáng
loại AWS-8 miệng túi kích cỡ 2 fts (60 cm) dài 8fts (2,4 m)
bắt đầu mở ra ở áp lực gió 4,8 km/h mở hết cỡ ở áp lực gió 34 km/h.
Cột hướng gió loại AWS-KIT
Chân chống loại AWS-2 cao 2 m
Chân chống loại AWSP-3 cao 2,7 m

Nhãn hiệu PARATECH
loại 700
dao cắt dây an toàn, cắt dây an toàn và dây thắt có độ chắc chắn đến 10000 pounds, dùng để đập kính xe ô tô và mở ổ khóa "DZUS " trọng lượng 0,5 kg, chiều dài 24 cm.

Nhãn hiệu SOS dụng cụ cứu hộ đa năng
12 miếng, có thể điều chỉnh thành dụng cụ 16 miếng trọng lượng 2,7 kg.
Loại 80001 đựng trong túi
Loại 80002 đựng trong hộp.

Nhãn hiệu TEMPEST loại 375 K cưa máy
sử dụng lưỡi cưa 14 inch, cắt sâu 4,75 inch (120 mm) động cơ 5 mã lực (74,7 cc) chọn lưỡi cưa loại CARBIDE và FIBER dùng để cắt bêtông và kim loại.

Kéo cắt kim loại xích hoặc dây điện (USA)
Loại 0190 FC dài 24,5 inch cán làm từ fiber
Loại 0190 MC dài 24 inch cán làm từ kim loại.

Rìu chữa cháy.
Loại FIR-03 rìu cùng với chỏm nhọn kích cỡ 3 pounds dài 14 inch (LOCAL) và túi đựng.

Loại FIR-06 rìu cùng chỏm nhọn kích cỡ 6 pounds dài 36 inch (LOCAL)

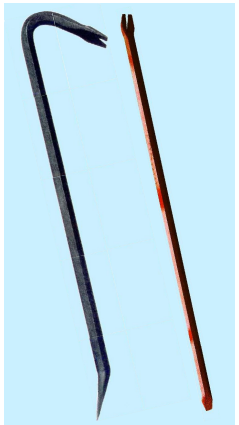

Xà beng dạng cổ ngỗng và xà beng dạng thẳng.
Loại 41004 dài 36 inch dạng cổ ngỗng (USA)
Loại FIR-120 dài 1,20 m dạng thẳng (LOCAL)

Thang trượt chữa cháy.
Loại AE 4000 trượt được 2 khúc (USA)
Chọn chiều dài 20-40 fts (6-12 m)
Dạng trượt 1 khúc (LOCAL)
Loại FIR-15 chiều dài 15 fts dạng trượt 2 khúc cà 3 khúc 9 (LOCAL)
Loại FIR 101520 tùy chọn chiều dài 10, 15 và 20 fts.

Búa loại 62 – 327
kích cỡ 6 pounds, cán fiber dài 16 inch (USA)
Loại 1438G kích cỡ 10 pounds cán fiber dài 36 inch (USA)
Loại FIR-08 kích cỡ 8 pounds cán gỗ dài 36 inch (LOCAL).

MÁY CẮTGIÃN CỨU NẠN NHÃN HIỆU AMKUS RESCUE SYSTEMS

Bộ GOLDEN HOUR I

Bộ GOLDEN HOUR I cấu tạo gồm
- Động cơ ben-xin (SIMO POWER UNITS) Loại GB2S XLO
- ống bơm động cơ (PUMP HOSE) màu xanh (BLUE) và màu vàng (YELLOW)
- Máy giãn (Spreader) Loại AMK – 24
- Máy cắt (Cutter) Loại AMK – 21A
- Máy đẩy,nâng (PUSH, PULL RAMS) Loại AMK 40R
- Bộ xích giữ, kéo nhanh (QUICK ADJUST CHAINJ PACKAGE)

Bộ ALPLA II

Bộ ALPHA II cấu tạo gồm
- Động cơ ben-xin (ALTERNATING POWER UNITS) Loại GH2A MC MINI
- ống bơm động cơ (PUMP HOSE) màu xanh (BLUE) và màu vàng (YELLOW)
- Máy cắt và máy giãn 2 trong 1 (COMBINATION TOOL) Loại AMK 30R
- Máy đẩy,nâng (PUSH, PULL RAMS) Loại AMK 40R
- Bộ xích giữ, kéo nhanh (QUICK ADJUST CHAINJ PACKAGE)

Bộ CLASSIC III

Bộ CLASSIC III cấu tạo gồm
- Động cơ ben-xin (SIMO POWER UNITS) Loại GB2S XLO
- ống bơm động cơ (PUMP HOSE) màu xanh (BLUE) và màu vàng (YELLOW)
- Máy giãn (Spreader) Loại AMK – 30CX
- Máy cắt (HEAVY DUTY CUTTER) Loại AMK – 25
- Máy đẩy, nâng (PUSH – PULL RAMS) Loại AMK 40R
- Bộ xích giữ, kéo nhanh (QUICK ADJUST CHAINJ PACKAGE).

RESCUE

R9

CỨU HỘ

ĐẶC ĐIỂM KHẢ NĂNG SỬ DỤNG CỦA THẾT BỊ CỨU HỘ NHÃN HIỆU AMKUS

SPREADER : DỤNG CỤ CĂNG RỘNG

MODEL	MAX.SPREAD	MAX.SPREADING FORCE (TIPS)	WEIGHT	LENGTH	WIDTH	STANDARD
AMK-30CX	32 in. (813 mm)	16,950 lbs. (75.4 kN)	47.5 lbs. (21.5 kg.)	30.1 lbs. (765 mm)	12 in. (305 mm)	
AMK-24	24 in. (610 mm)	18,785 lbs. (83.4 kN)	37.35 lbs. (17.0 kg.)	29.7 in. (754 mm)	14 in. (356 mm)	NFPA1936:2010

CUTTER : MÁY CẮT

MODEL	MAX.CUTTING FORCE :	MAX.CUTTER OPENING AT TIPS :	MAX.CUTTER OPENING AT CENTER :	WEIGHT	LENGTH	WIDTH	STANDARD
AMK-21A	110,000 lbs (489.3 kN)	5.2 in. (132 mm)	5.5 in. (139.7 mm)	35.0 lbs. (15.9 kg.)	25.8 in. (655 mm)	90.0 in. (229 mm)	NFPA1936:2010
AMK-22	200,807 lbs. (893.2 kN)	5.0 in. (127 mm)	5.5 in. (139.7 mm)	46.0 lbs. (20.9 kg.)	24.7 in. (627.4 mm)	7.5 in. (190.5 mm)	
AMK-25	60,000 lbs. (266.9 kN)	4.1 in. (104 mm)	5.0 in. (127 mm)	30.1 lbs. (13.7 kg.)	20.5 in. (521 mm)	90. in. (229 mm)	NFPA1936:2010

COMBINATION SPREADER/CUTTER : MÁY CẮT VÀ CĂNG RỘNG

MODEL	MAX.SPREAD	MAX.SPREAD FORCE (TIPS)	MAX.CUTTING EDGE OPENING	MAX.CUTTING FORCE	WT	LENGTH	WIDTH
AMK-25C	15.5 in. (394 mm)	9,900 Lbs.(44kN)	7.0 in. (178 mm)	000 lbs. (253.5 kN.)	36.lbs. 6.4Kg	25 in. (635 mm)	8.0 in. (203 mm)

PUSH – PULL RAMS : MÁY KÉO – ĐẨY

MODEL	LENGTH OPEN	LENGTH CLOSED	WIDTH	WEIGHT	MAX. PUSH FORCE	MAX. PULL FORCE
AMK-30R	29.1 in. (739 mm)	19.3 in. (490 mm)	8.5 in. (216 mm)	27.0 lbs. (12.2 kg.)	30,650 lbs. (136.3kN)	14,400 lbs. (64.1kN)
AMK-40R	40 in. (1016 mm)	25.4 in. (645 mm)	8.5 in. (216 mm)	33.0 lbs. (15.0 kg.)	30,650 lbs. (136.3kN)	14,400 lbs. (64.1kN)
10" RAM EXTENSION	10 in. (254 mm)	10 in. (254 mm)				

HYDRAULIC POWER UNITS : ĐỘNG CƠ THỦY LỰC

MODEL	HP	HYDRAULIC FLUID CAP.	LENGTH	WIDTH	WEIGHT	MAX. OPERATION PRESSURE	NO. OF TOOL OPERATION	STANDARD
GB2S-XLO SIMO	6	2 Gal. US (7.6 lliters)	23.0 in. (584 mm)	19.0 in. (483 mm)	109.6 LBS (50 kg.)	10,500 psi (724 bar)	2	NFPA1936:2010
GH2A-MC ALTERNATING	6	2 Gal. US (7.6 lliters)	23.0 in. (584 mm)	19.0 in. (483 mm)	81.0 LBS (36.7 kg.)	10,500 psi (724 bar)	1 Alternating	NFPA1936:2010
HYDRAULIC HOSE (Twin Hose)	COLORS BLUE, YELLOW	TWIN HOSE 16 ft. (4.9 m); 20 ft. (6.0 m); 30 ft. (9.0 m);						

NOTE : 10500PSI (724 BAR) là áp lực sử dụng chung của tất cả các loại thết bị
MAX SPREAD : KHOẢNG CÁCH TỐI ĐA ĐƯỢC CĂNG RA
MAX. SPREAD FORCE (TIPS) : ÁP LỰC CĂNG RA TỐI ĐA
MAX. CUTTER OPENING (TIP) KHOẢNG CÁCH MỞ RA TỐI ĐA CỦA LƯỠI DAO
MAX CUTTER FORCE (TIP): ÁP LỰC CẮT TỐI ĐA
MAX. PUSH FORCE : ÁP LỰC ĐẨY TỐI ĐA
MAX. PULL FORCE : ÁP LỰC KÉO TỐI ĐA
LENGTH OPEN : ĐỘ DÀI KHI MỞ RA
LENGTH CLOSED : ĐỘ DÀI KHI ĐÓNG
MAX OPERATING PRESSURE : ÁP LỰC TỐI ĐA KHI LÀM VIỆC
SPREADER : DỤNG CỤ CĂNG RỘNG
CUTTER : MÁY CẮT
COMBINATION SPREADER/CUTTER : MÁY CẮT VÀ CĂNG RỘNG
PSUH – PULL RAMS : MÁY KÉO – ĐẨY
HYDRAULIC POWER UNITS : ĐỘNG CƠ THỦY LỰC
WEIGTH : TRỌNG LƯỢNG, LENGTH : ĐỘ DÀI, WIDTH : CHIỀU RỘNG
MAX PUSH FORCE: : ÁP LỰC ĐẨY TỐI ĐA
MAX. PULL FORCE : ÁP LỰC KÉO TỐI ĐA
HYDRAULIC FLUID CAP : THỂ TÍCH DẦU THỦY LỰC
HP : MÃ LỰC

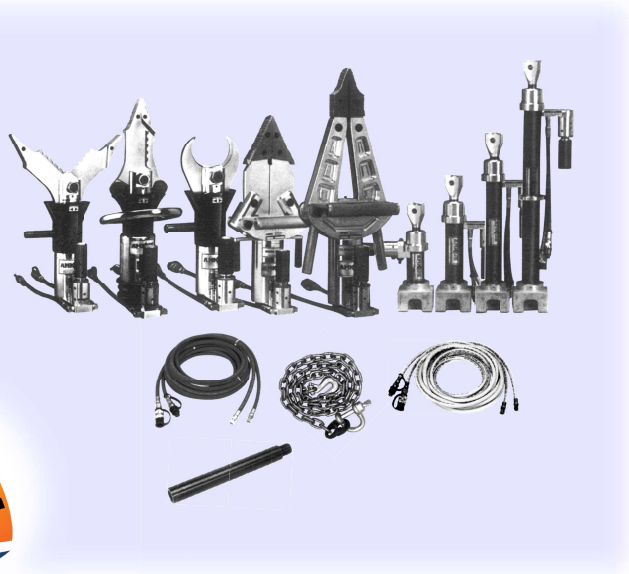

RESCUE
R10
CỨU HỘ

AMKUS DỤNG CỤ CỨU HỘ THỦY LỰC DÙNG PIN

AMKUS RESCUE SYSTEMS

ION™

PACIFIC FIRE AEC

Máy cắt loại ION IC50

- Dao cắt và tua vít nằm giữa được thiết kế để cắm và làm việc trong nơi hẹp và khó cắt.
- Có đèn pha cùng đèn dạng LED để chiếu sáng điểm làm việc.
- Tay cầm có thể xoay được để tiện lợi trong việc dùng dụng cụ cứu hộ

Chiều dài	29,2 inch (741 mm)
Chiều rộng	6,9 inch (175 mm)
Chiều cao	8,6 inch (218 mm)
Trọng lượng (không tính pin)	44,4 pound (20,1 kg)
Khoảng cách mở lưỡi dao tối đa	7,3 inch (185 mm)
Tiêu chuẩn lưỡi dao	A6/B6/C7/E7.
Pin điện tử	Dewal Lithoum – Ion.
Điện áp pin	60 V

Máy căng loại ION IS240

Loại IS240 dùng lưỡi căng cùng một loại với máy cắt nhãn hiệu AMKUS loại AMK–24 kiểu chắc khỏe có thể thay đầu thành loại ERT hoặc dùng chung với bộ xích để tăng kích cỡ trong việc căng hay kéo ra.

Chiều dài	30,1 inch (764 mm)
Chiều rộng	7 inch (177 mm)
Chiều cao	8,6 inch (218 mm)
Trọng lượng (không tính pin)	44,4 pound (20,1 kg)
Khoảng cách mở lưỡi dao tối đa	7,3 inch (185 mm)
Tiêu chuẩn lưỡi dao	A6/B6/C7/E7.
Pin điện tử	Dewal Lithoum – Ion.
Điện áp pin	60 V

Máy đẩy nâng (bẩy)
Loại ION ITR230

Loại Itr230 có áp lực đẩy từ đòn bẩy cao nhất trên thị trường mà sử dụng điện năng từ pin. Tay cầm có thể xoay được để tiện lợi trong việc sử dụng dụng cụ cứu hộ, chỗ hẹp, có dụng cụ hỗ trợ chiều dài để có thể kéo ra tối đa 1260 mm (50 inch).

Chiều dài	17,0 inch (432 mm)
Chiều rộng	7,9 inch (200 mm)
Chiều cao	11,4 inch (290 mm)
Trọng lượng (không tính pin)	44,4 pound (20,1 kg)
Chiều dài khi đóng	11,4 inch (290 mm)
Chiều dài khi mở (tối đa)	22,6 inch (574 mm)
Chiều dài cấp độ 1	6,3 inch (160 mm)
Chiều dài cấp độ 2	4,9 inch (124 mm)
Chiều dài cả cấp độ 1,2	11,2 inch (284 mm)
Dụng cụ nối phụ tùng	10, 18 và 27 inch (254 , 457 và 686 mm)
Chiều dài khi mở cùng dụng cụ nối (dài tối đa)	49,6 inch (1260 mm)
Áp lực đẩy tối đa cấp độ 1	48061 pound (213,8 KN)
Áp lực đẩy tối đa cấp độ 2	17417 pound (77,4 KN)
Pin điện tử	Dewal Lithoum-Ion
Điện áp pin	60 V.

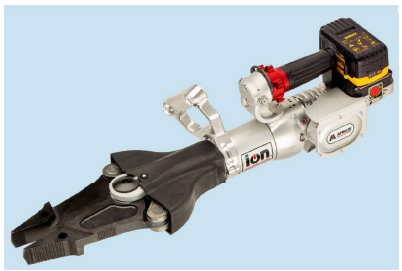

Máy cắt và máy căng .
Loại ION ICT516

Máy cắt và máy căng 2 trong 1, để thực hiện công việc dễ dàng và nhanh chóng hơn, thích hợp cho việc sử dụng trên xe hơi hoặc xe máy di chuyển nhanh, bao gồm cả xe cứu thương. Loại ICT516 Combi Tool thích hợp cho việc cứu hộ trong tai nạn trường hợp cần phải căng ra, cắt, bóp, mở bộ phận của xe hơi để mang nạn nhân ra khỏi xe.

Chiều dài	28,9 inch (734 mm)
Chiều rộng	6,9 inch (175 mm)
Chiều cao	8,6 inch (218 mm)
Trọng lượng (không tính pin)	44,9 pound (20,3 kg)
Khoảng cách được căng ra	15,6 inch (396 mm)
Khoảng cách mở lưỡi dao tối đa	7,3 inch (185 mm)
Pin điện tử	Dewal Lithoum-Ion
Điện áp pin	60 V

RESCUE

R 10.1

CỨU HỘ

DRAEGER AT WORK

Mũ cứu hỏa loại HPS 6200
cùng mặt nạ panorama nova
và hệ thống nối nhanh khi
xiết chặt loại SUPRA

Mặt nạ PANORAMA NOVA
Loại PC – P – EPDM
làm từ vật liệu (EPDM) cùng màn chắn
mặt polycarbonate và hệ thống
positive pressure, là kích cỡ duy nhất
có thể phù hợp với mọi kích cỡ khuôn mặt.

Mặt nạ PANORAMA NOVA
loại PC – P – Silicone
làm từ vật liệu cao su tổng hợp Silicone.

Mặt nạ PANORAMA NOVA
cùng hộp lọc sử dụng trong khu vực
có hóa chất

Vải bao bọc bình SCBA
cùng viền phản quang
bảo vệ bình khỏi bị xước.

Mặt nạ loại PANORAMA NOVA
cùng bộ xiết chặt đầu dạng lưới.

Mặt nạ cứu hộ, cứu nạn loại PSS

Loại AIRPAK I
hệ thống dẫn khí dạng AIRLINE
dùng chung với mặt nạ loại PANORAMA.

GAS ANALYZER – MÁY PHÂN TÍCH KHÍ

Thiết bị phân tích khí

Máy đo loại z – am 2000

Chức năng đặc biệt chống nước và bụi bẩn cấp độ IP 67
có cao su bao bọc chống va đập và hệ thống báo hiệu 3 phần
gồm đèn nháy, âm thanh và run

Máy đo loại x – am 3000

Chức năng đặc biệt sử dụng trong khu vực hiểm khí
có thể đo được nhiều loại khí cùng một lúc và tín hiệu báo động
đo được loại khí nguy hiểm 3 – 4 loại.
dụng cụ bổ sung hệ thống thu thập dữ liệu (DATA LOGGER)
dụng cụ hỗ trợ bơm khí bên trong

Máy đo loại x – am 7000

Chức năng đặc biệt chống nước và bụi bẩn cấp độ IP 67
đo loại khí nguy hiểm đến 5 loại
cùng với sensors (dò khí) đến 3 loại
có thể chống va đập được từ 0 – 1,5m.
Dụng cụ bổ sung hệ thống thu thập dữ liệu (DATA LOGGER)

MINIATURE SENSOR TECHNOLOGY
Sensor điện tử loại nhỏ.
Drager loại Pac 3500

Được phát triển dành cho việc dò tìm
sensor có thể dò được tín hiệu tức thì
cả các loại khí như CO, H2S, 02
Thời hạn sử dụng : sử dụng được hơn 2 năm.
Tín hiệu báo động : ngoài chế độ rung có thể đặt chế độ âm
thanh nhiều thể loại, có tín hiệu rõ ràng 360, báo động trên
màn hình, có cả đèn LED nhấp nháy ở trên và đồng hồ báo
động mức độ báo động có thể điều chỉnh theo từng người.

Xem thêm chi tiết : www.drager safety.com

RESCUE
R11
CỨU HỘ

ANALYIZER & DETECTOR
THIẾT BỊ PHÂN TÍCH VÀ THUỐC THỬ TÍN HIỆU

ALCOHOL ANALYZER
THIẾT BỊ PHÂN TÍCH NỒNG ĐỘ CỒN

Loại CA 20 FL

Có thể đo nồng độ cồn khoảng 200 lần trên một bộ pin có thể đo nồng độ cồn trong máu bằng cách thổi hơi.

Loại Alcotest 5510 "GRAGER"

Đo nồng độ cồn được nhiều hơn 1000 lần trên một bộ pin có thể đo nồng đọ cồn trong máu cà kiểu thổi hơi và hơi thở có dung lượng bộ nhớ để chứa dữ liệu và báo kết quả sau được 10 dữ liệu có tín hiệu báo khi pin yếu.

GAS DETECTOR
THIẾT BỊ PHÂN TÍCH KHÍ GA

CONFINED SPACE

FIRE & RESCUE

Máy đo loại X – am 2500.

Chức năng đặc biệt chống nước và chống bụi bẩn cấp độ IP 67. Là loại máy đo khí ga có thể mang theo và báo hiệu liên tục đối với các loại khí dẫn điện, ôxi, carbonmonoxide và khí hydrogen sulfide có ở trong không khí xung quanh nơi là việc, số lượng khí dò được phụ thuộc vào sensor được gắn trên thiết bị mà có thể lựa chọn khí như sau : EX, EX/OX, EX/O2/CO, EX/O2/H2S, EX/O2/CO/H2S. có cao su bao bọc chống va đập và hệ thống báo hiệu 3 phần gồm đèn nháy, âm thanh và rung, đo khí nguy hiểm được 4 loại.

SMOKE ALARM / TESTER

HOME SAFEGUARD

Sử dụng để kiểm tra đến 100 lần trên 1 lon.

SMOKE DETECTOR TESTER (UL) ỊU 25S

- Kiểm tra tín hiệu báo động sử dụng điện hoặc pin mà không làm cho thiết bị hư hỏng.

DUST AIR

- Làm vệ sinh sensor trong thiết bị báo động mà không làm cho thiết bị hư hỏng.

đáng tin cậy
dễ sử dụng
nhanh chóng

KIDDE loại i9040 E (9V)
BATTERY OPERATED SMOKE ALARM

- Cài đặt thiết bị báo hiệu ở mọi nơi
- Dó tìm khói và báo hiệu âm thanh 90 dB trước khi tình huống nguy hiểm hơn.
  - Thích hợp với nơi dễ cháy như nhà bếp phòng ngủ nhà kho, tàu bè và nơi công cộng.
- Tín hiệu báo động đủ bộ và pin cỡ 9 V.

Loại DUS97
10 kích cỡ 10oz

Loại DUS97
HSG kích cỡ 5oz

Thích hợp cho sử dụng trong khách sạn, siêu thị, nhà, bệnh viện, tàu thủy.

Xem thêm chi tiết : www.draegersafety.com

RESCUE

R12

CỨU HỘ

EYE PROTECTION BẢO VỆ MẮT

Nemesis™

- Mắt kính bảo hộ kiểu thể thao (sleek, sporty style)
- Thích hợp với khuôn mặt mọi kích cỡ (soft-touch temples)
- Trọng lượng nhẹ, thoải mái khi đeo vào (lightweight construction)
- Bảo vệ từ mọi phía với chỉ một ống kính (single-lens-wrap-around protection)
- Chống tia UV 99,9% protection 99,9%
- Tiêu chuẩn Z87,1 + (Meets ANSI Z. 87,1 +)
- Tặng dây cố định mắt kính (free neck cord)

NEMESIS 25676
ống kính trong suốt (clear) thêm độ sắc nét, thích hợp với công việc bên trong tòa nhà.

NEMESIS 14481
ống kính thủy ngân (Blue Mirror) chống nắng thích hợp cho công việc ngoài trời.

NEMESIS 25685
ống kính màu trà (indoor/outdoor) chống ánh nắng, thích hợp với công việc ngoài trời.

NEMESIS 25659
ống kính trong suốt màu vàng (Amber) thêm độ sáng khi sử dụng trong khu vực tối.

NEMESIS 25679
ống kính màu trong suốt (clear) chống tia UV

NEMESIS 25688
ống kính màu đen chống nắng.

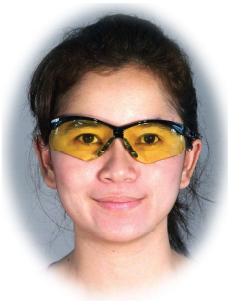

NƯỚC RỬA ỐNG KÍNH

- Giấy lau ống kính nhãn hiệu UV EX
  Loại S462 (500 miếng/ hộp)
- Nước rửa ống kính nhãn hiệu UV EX
  Loại S463 16oz

BOUTON 1LC382D 3,5oz
- Có cả giấy lau và nước rửa ống kính trong một hộp
- Tiện lợi khi mang theo và sử dụng ở mọi nơi
- Tiện lợi khi lau và làm vệ sinh ống kính
- Có thể lấy và sử dụng ngay không mất thời gian khi làm vệ sinh.

THUỐC RỬA MẮT

EYEWASH STATION

Loại 461 bộ 1 chai 32oz cùng khay đựng

DOUBLE EYEWASH STATION

Nước rửa mắt loại 462 gồm 2 chai 32oz cùng khay đựng

Loại 455 (chỉ nước rửa mắt)

SAFETY S1 BẢO HỘ

RESPIRATORS TO NIOSH & EN STARDARD
THIẾT BỊ BẢO VỆ HỆ HÔ HẤP

Mặt nạ nửa khuôn mặt AO SAFETY

Bộ lọc đôi loại AO 5 star (S 5500)
Bộ lọc đơn loại EZ – Drop 8200 SC
Mềm và dễ chịu khi đeo vào
dùng chung với bộ lọc P100
chống bụi, khói.

Hộp lọc AO

- ☐ Loại 8051 – P100 chống bụi, khói, hơi chất hữu cơ
- ☐ Loại 8052 – P100 chống bụi, khói và khí hydrogen sulfide
- ☐ Loại 8053 – P100 chống bụi, khói, hơi axít.
- ☐ Loại 8057- P100 chống bụi, khói, hơi xăng dầu.

MSA loại ADVANTAGE 2000 LS

- ☐ SIZE S
- ☐ SIZE M
- ☐ SIZE L

Hộp lọc

- ☐ Loại 815358 GMD
- ☐ Loại 815359 GME
- ☐ Loại 815369 P100 (LOW PROFILE)

Dräger X-Plore

Drager X – plore 3300 the
low maintenance
econmical half mask
X–Plore 3300 mặt nạ nửa khuôn mặt
dạng bộ lọc đôi, loại tiết kiệm, trọng lượng nhẹ làm từ cao su tổng hợp vừa vặn, sử dụng cùng mắt kính bảo hộ hoải mái khi đeo vào.

RESPIRATOR CHART X-plore

Có hộp lọc thích hợp với công việc xịt sơn, hàn, xịt thuốc và hóa chất.
Bộ lọc loại X–PLORE có thể dùng chung với mặt nạ Drager cả 3 loại.

Drager X – Plore 3500
the low maintenance
econmical half mask
X – Plore 3500 mặt nạ nửa khuôn mặt
dạng bộ lọc đôi, làm từ cao su tổng hợp loại đặc biệt Drager Flex không dị ứng với da, độ bền cao

Màu nâu — loãi A – khí ga và hơi chất hữu cơ cao hơn 65
Màu xám — loại B – khí ga và hơi chất hữu cơ
Màu vàng — loại C – khí ga và hơi chất axít
Màu xanh lá cây loại K – Amoniac
Màu đỏ loại Hg Mecury vapour
Màu trắng loại P – chống bụi bặm

Mặt nạ chống hơi hóa chất và bụi bặm

Mặt nạ SHIGEMATSU từ Nhật bản có chất lượng cao.
Được chứng nhận tiêu chuẩn công nghiệp Nhật bản
JIS – T8152.

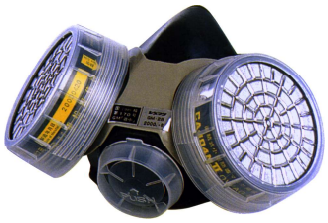

Mặt nạ nửa khuôn mặt, bộ lọc đơn

- ☐ Loại GM – 760 SHIGEMATSU
- ☐ Loại GM – 77 SHIGEMATSU

Mặt nạ nửa khuôn mặt, bộ lọc đôi.

- ☐ Loại GM – 28 SHIGEMATSU
- ☐ Loại GM – 28 – 6 SHIGEMATSU

Hộp lọc

- ☐ Hộp lọc loại CA – 104 NIIAG/OV (chống khí axít/ hơi hữu cơ)
- ☐ Hộp lọc loại CA – 710 – AG/OV (chống khí axít/ hơi hữu cơ)
- ☐ Bộ lọc U1AH (bộ lọc chống bụi bặm loại có cacbon)

Xem thêm chi tiết : www.aosafety.com

Cách thử độ chặt chẽ của mặt nạ.

Negative pressure test
- Dùng tay đậy bộ lọc hít vào rồi hít vào mặt nạ sẽ hút dính lại.

Positive pressure test
- Dùng tay đóng van thoát khí rồi thở ra mặt nạ sẽ phải nở ra

The Drager X – Plore 5500
Full Face is the ideal
solution for those needing
complete respirator and
eye protection.
X – Plore 5500 loại cả khuôn mặt.
Tiêu chuẩn EN 136 CL. 2/CE và NIOSH
Dùng chung với bộ lọc X – Plore
Bảo vệ hệ thống hô hấp và mắt cùng một lúc
Trọng lượng nhẹ 540g
Trang bị miễn phí.

www.draegersafety.com

SIZE CHART BẢNG SO SÁNH KÍCH CỠ VÀ TIÊU CHUẨN

SHOE SIZE CHART (BẢNG SO SÁNH KÍCH CỠ GIÀY)

OSCAR	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
HARVIK/RESPIREX/MT	-	-	-	38	39	40	41	42	43	44	45	46
P&F-TRACK	-	-	38	39	40	41	42	43	44	45	46	-
P&F-NBR	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	-
P&F-PU	-	-	38	39	40	41	42	43	44	45	46	-

COVERALL SIZE CHART (BẢNG SO SÁNH KÍCH CỠ BỘ ĐỒ LIỀN THÂN)

Bộ đồ liền thân mở - đóng zip	S	M	L	XL	XXL	XXXL	
1. Vòng cổ	16½	16½	17½	17½	18½	18½	
2. Vòng ngực	43	44	46	48	50	52	
3. Chiều rộng vai	19½	20½	21½	22½	23½	25½	
4. Vòng cơ bắp tay	19	19	20	20	21	21	
5. Chiều dài tay	21½	21½	22	22	22½	22½	
6. Vòng cổ tay	14	14	14	14	14	14	
7. Vòng eo	37	38	40	43	46	49	
8. Hông	40	42	4	46	48	50	
9. Chỗ dương vật	25	26	26	27	28	29	
10. Đùi	2	24	26	27	28	29	
11. Đầu gối	20	20	20	22	22	22	
12. Vòng cổ chân	17	17	17	18	18	18	
13. Lưng (từ cổ đến eo)	19½	19½	19½	20½	20½	20½	
14. Giữa lưng – cuối chân	59	59	60½	61½	62½	63½	

Lưu ý : đơn vị đo – inch

COMMOM SAFETY STANDARDS – TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ CỦA DỤNG CỤ BẢO HỘ

USA – TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ CỦA HOA KỲ.

NIOSH – NATIONAL INSTITUTE OF SAFETY AND HEALTH

NFPA – NATIONAL FIRE AND PROTECTION

NFPA – 70E : tiêu chuẩn (PPE) trong ngành điện lực.

NFPA – 170 : tiêu chuẩn trong ngành chữa cháy và bảng an toàn

NFPA – 701 : tiêu chuẩn trong kiểm tra vải chống cháy.

NFPA 2112 : tiêu chuẩn về trang phục chống cháy đối với ngành cơ khí

ASTM – American Society For Testing and Materials

3rd PARTY TESTING – HIỆP HỘI CHỨNG NHẬN TIÊU CHUẨN HOA KỲ

UL - Underwriters Laborities

SGS Group - Testing Labs

Licensed 3rd Party Test Labs.

EUROPE INCLUDING UK – TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ CỦA CHÂU ÂU VÀ ANH QUỐC

EN - European Norm

EN 345 : Safety Boot & Shoes

EN 659 , EN 511 Gloves use for Heat and Cold

EN 50321 : Standard to Electrical Safety

EN 943 : Chemical Permeation

EUROPE 3rd PARTY TESTING – CHỨNG NHẬN TIÊU CHUẨN TỪ LIÊN MINH CHÂU ÂU.

CE - Certified test Mark

www.pacificandfire.com

Xem thêm chi tiết : www.oscarsafetyshoes.com

SAFETY

S3

BẢO HỘ

JUSTRITE CHEMICAL STORAGE
DỤNG CỤ BẢO QUẢN HÓA CHẤT

Tủ cất vật liệu dễ cháy, vật liệu có thể gây cháy vật liệu ăn mòn.

Hệ thống tủ cất, hệ thống nạp và hệ thống GATOR (pallet ngăn tràn) là thiết bị giữ an toàn có chất lượng cao theo tiêu chuẩn quốc tế để bảo quản hóa chất một cách an toàn, nhãn hiệu JUSTRITE thích hợp với nhà máy quan tâm đến sự an toàn khi bảo quản hóa chất và đi vào hệ thống ISO 1800 (sự an toàn) và ISO 14000 (môi trường) sản phẩm từ HOA KỲ được chứng nhận tiêu chuẩn từ 87 và OSHA.

STORAGE CABINETS FOR FLAMMABLE, COMBUSTABLE & CORROSIVE MATERIALS

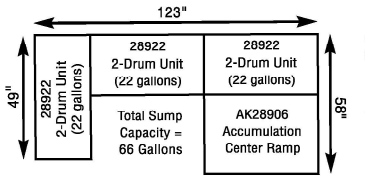

Add a ramp for convenience!
Sturdy clips securely join ramp to pallet edge for a snug fit.

Gator® Accumulation Centers

Product Description	Sump Cap. (Gallons)	Load Bearing Capacity	Outside Di W x D x m. H	Model No.
2 drum unit	22	2400 lbs.	49" x 25" x	28922
4 drum unit	43	6000 lbs.	49" x 49" x 5½"	28922
6 drum unit	64	7000 lbs.	73" x 49" x 5½"	28923
8 drum unit	85	8000 lbs.	97" x 49" x 5½"	28924
Ramp for above	–	1000 lbs.	48" x 33" x 5½"	AK28905
Joining clips, one pair, stainless steel			4" x 2" 6¼"	AK289 6
Sump-to-Sump™ Drain Kit	One pair stainless steel joining clips, one pair rubber grommets, one teflon tran			28926
			sfer tube	28927

www.justritemfg.com

Màu tiêu chuẩn của vật liệu nguy hiểm

Yellow for flammable liquids	Dễ cháy
Red for paints, inks, and other combustible liquids	Màu, mực khác.
Blue for corrosive liquids	Ăn mòn
Green for pesticides and insecticides	Thuốc diệt côn trùng
White or Gray for other uses such as for hazardous waste materials.	Rác thải độc hại Màu đặc biệt
Other neutral colors for laboratory settings to match existing casework.	Dành cho hóa chất khác

Bộ trám lỗ thủng loại 715

Trám lỗ thủng đến ¾ - 4 inch
Làm bằng gỗ 3 miếng ¾ - 4 inch
Làm bằng cao su NEOPRENE
¾-4 inch cùng khay đựng và búa bằng đồng.

Bộ thấm hút hóa chất.

Dụng cụ thấm hút hóa chất dạng phao, miếng, cuộn, bộ bảo hộ (PPE) bao tay giày và bộ đồ liền thân. Thiết bị bảo vệ khu vực, bảng an toàn băng keo ngăn cách khu vực, epoxy trám lỗ thủng nhãn hiệu DEVCON 11600 MAGIC BOND.

Bộ thấm hút hóa chất cùng xe đẩy

thấm hút hóa chất đến 14 galons (53 lít) cùng dụng cụ phao, cuộn, miếng chứa trong tủ với bánh đẩy, sử dụng cả bên trong và ngoài tòa nhà.

SAFETY LIGHTING ĐÈN PIN

Đèn pin chống nước và chống nổ tiêu chuẩn UL-DIV1

BRIGHT STAR www.flashlight.com

① 10,000 nến điện

KÍCH CỠ 'D'

② 15,000 nến điện

KÍCH CỠ 6V

③ 50,000 nến điện

1. **Loại tốt 17340** */ **Loại tốt nhất 14460** ** (2-D Cell)
2. **Loại tốt 14240** */ **Loại tốt nhất 14720** ** (3-D Cell)
3. **Loại 2206** dạng cầm tay(sử dụng pin hình vuông kích cỡ 6V 1 cục)

* Công tắc làm bằng Polyethylene, cầu giao làm bằng đồng

** Công tắc làm bằng Polyrthylene, cầu giao làm bằng đồng thau+sắt.

Lưu ý: pin dành cho đèn phải đặt mua riêng.

Chức năng đèn pin chống nước , chống nổ Bright star kiểu DIV1 màu cam

1. Sử dụng trong khu vực có ga hoặc chất lỏng có thể gây nổ như Acetylene, Hydrogen, Ethylene, Propane.
2. Sử dụng bóng đèn loại thường và có bóng đèn bán riêng lẻ.

Division 1 **WorkSAFE™I** Tiêu chuẩn chứng nhận mức độ an toàn

Loại MODEL NUMBER	Type Designation	MSHA Approved	Underwriter Laboratories Division 1			
			Class I Group C	Class I Group D	Class II Group G	Class III
13740 / 14460	II	✓	✓	✓	✓	✓
14240 / 14720	II	✓	✓	✓	✓	✓
2206	II	✓	✓	✓	✓	✓

Đèn pin chống nổ tiêu chuẩn FM

PELICAN

① 10,000 nến điện

② 12,000 nến điện

③ 100,000 nến điện

④

Chức năng đèn pin chống nước , chống nổ

1. Sử dụng loại pin ALKA LIGHT sử dụng điện cao
2. Có bóng đèn bán riêng lẻ
3. Chống nước 100 foots

1. Loại 2400C + 700 kiểu gắn với mũ (4AA Cell)
2. Loại 2000C kiểu cầm tay (3-C Cell)
3. Loại 4000B kiểu dual filament (8-D Cell)
4. Loại 1900C kiểu cầm tay (2. AAA Cell)

Pelican
www.pelican.com

Đèn pin dạng cầm tay và sạc lại được

RECHARGEABLE

Chức năng đèn pin kiểu cầm tay và sạc lại được

1. Có thể sạc bằng điện trong xe và điện nhà
2. Trọn bộ gồm có pin khô 6V thiết bị sạc điện nhà và sạc điện trong xe
3. Tay cầm tuỳ chỉnh gồm kiểu thẳng đứng và kiểu xách tay.

CASIKO

Loại **CK 9288**
1,000,000 nến điện

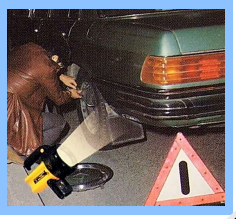

MAG INSTRUMENT

① MAG

②

③

1. Loại M2A01H đèn pin cùng với túi (2-AA Cell)
2. Loại S2D 016, S3DO16,S4D016 (2-D Cell),(3-D Cell),(4-D Cell)
3. Loại S6D016 (6-D Cell)

www.maglite.com

Chức năng đèn pin chống nước

1. Khung đèn làm bằng hợp kim nhôm
2. Chống thấm 100%
3. Có bóng đèn bán riêng lẻ

LED SAFETY LIGHTING ĐÈN PIN LED

Đèn pin nhãn hiệu BRIGHTSTAR loại WORKSAFE LED

Chức năng của đèn pin, chống nước, chống nổ BRIGHT STAR.
Kiểu DIV 1 Class 1

- Sử dụng trong vùng có khí hoặc chất lỏng có thể gây nổ như Acetylene, Hydrogen, Ethylene, Propane.
- Dùng bóng đèn LED để sáng rõ hơn, thích hợp trong công nghiệp có độ bền cao và chi phí hiệu quả, được thiết kế để có độ ổn định cao.

Loại WORKSAFETM Model #2217- #15460 LED (2-D CELL)

Bóng đèn LED dùng được 30.000 giờ và liên tục 200 giờ độ sáng 80 Lumens, khoảng cách sáng 99 m.

Loại WORKSAFE TM Model #2224-#15720 LED (3-D CELL)

Bóng đèn LED dùng được 30.000 giờ và liên tục 250 giờ.
Độ sáng 60 Lumens, khoảng cách sáng 88 m.

NHÃN HIỆU PELICAN loại LED

Loại 3315 LED là loại mới trọng lượng nhẹ, kiểu nhỏ gọn, sử dụng 3 cục pin AA độ sáng 160 Lumens, chức năng đèn pin chống nước, chống nổ theo tiêu chuẩn DIV 1 Class 1/ Class 2.

#700 là chân gắn đèn pin dùng cho loại 3315 với mũ bảo hiểm hoặc mũ cứu hỏa

#2690

Loại 2690 là đèn pin LED gắn trên đầu hoặc mũ bảo hiểm làm từ nhựa ABS có độ bền cao, chống hóa chất và chống nước, có thể dùng được trong mọi điều kiện thời tiết, dây thắt đầu có 2 thể loại, bằng vải đàn hồi hoặc dây làm bằng cao su, dây cao su thích hợp với việc sử dụng cho mũ bảo hiểm cứu hộ hoặc mũ bảo hiểm bảo hộ, chống xê dịch, độ sáng LED 74 Lumens. Pin dùng được tới 11 giờ liên tục, trọng lượng nhẹ 4,1 oz theo tiêu chuẩn DIV 1 / Class 2, DIV 1 / Class 3, DIV 1 / IECEx ia.

MAGLITE LED LIGHTS

Loại MINI MAGLITE® LED FLASHLIGHT

Khoảng cách sáng 145 m, độ sáng 97 Lumens.

Loại MAGLITE® 2 – CELL D LED FLASHLIGHT

Khoảng cách sáng 412 m
Độ sáng 168 Lumens

Loại MAGLITE® 3 – CELL D LED FLASHLIGHT

Khoảng cách sáng 412 m
Độ sáng 168 Lumens.

LINE CARD

Devcon

SỬA CHỮA KIM LOẠI VÀ
SỬA CHỮA KHẨN CẤP

Honeywell Bao Tay Chữa Cháy
HYSAFETY
EURO VI
FIREMAN VI

BSP TRANG PHỤC CHỮA CHÁY (MAHERO)
EN Manufactured to NFPA
Eagle I, Eagle II, Century Series
Phenix Tech. Helmets-NFPA

THERMOPROBE– NHIỆT KẾ
ĐỒNG HỒ ĐO NHIỆT KẾ
NHIỆT KẾ CHO PHÒNG THÍ NGHIỆM
VÀ KHU VỰC HỘI HỌP.

UVEX
NƯỚC RỬA ỐNG KÍNH
EYESALINE
NƯỚC RỬA MẮT
BOUTON
NƯỚC RỬA ỐNG KÍNH

HARVIK
GIÀY CHỮA CHÁY-EN&NFPA
SICOR
MŨ CỨU HOẢ - EN
PGI
MŨ TRÙM ĐẦU – NFPA

KOLOR KUT
THUỐC THỬ NƯỚC - KK01&KKM3
THUỐC THỬ XĂNG DẦU - KK02

MOLYSLIP
SẢN PHẨM CHỐNG ĂN MÒN
VÀ BÔI TRƠN
NEVER-SEEZ NEVER-SEEZE
SẢN PHẨM CHỐNG ĂN MÒN

DRAEGER
THIẾT BỊ TRỢ THỞ SCBA
PSS 3000/5000
MẶT NẠ CHỐNG KHÍ ĐỘC
TRANG PHỤC KHÍ ĐỘNG HỌC THIẾT BỊ DÒ KHÍ

KIDDE
KIDDLE MÁY DÒ KHÓI
HSG loại 25S, DUST AIR
DUNG DỊCH THỬ NGHIỆM TÍN HIỆU
BÁO ĐỘNG NFPA

TEMPEST– MÁY QUẠT KHÓI
DÒNG DD CÁNH QUẠT NỐI THẲNG
DÒNG BD ĐIỀU KHIỂN BẰNG ĐAI
DÒNG 375K MÁY CƯA

ỐNG DẪN NƯỚC CHỮA CHÁY
ARMTEX
BLINDEX
TITAN

MORSE
LƯỠI CƯA CÔNG NGHIỆP
GARCO
CÔNG CỤ BAO BÌ
GOJO
NƯỚC RỬA TAY CÔNG NGHIỆP

AMKUS–THIẾT BỊ CỨU NẠN THUỶ LỰC
PARATECH
THIẾT BỊ CỨU HỘ BẰNG TÚI NÂNG

VIPER – VÒI PHUN CHỮA CHÁY
Viper SG3012/SG7515
Rylstatic – VÒI PHUN CÔNG NGHỆ MỚI
BD3012/BD7515

MSA – MŨ CỨU HỘ
Nemesis – KÍNH BẢO HỘ

ĐÈN PIN DÀNH CHO KHU VỰC NGUY HIỂM
BRIGHTSTAR- UL DIV1
ĐÈN PIN
PELICAN– ĐÈN PHA CHỨNG
NHẬN BỞI FM
MAGLITE–
ĐÈN PHA BẰNG NHÔM

DELTA FIRE
VÒI PHUN TẠO BỌT HV225/450
THIẾT BỊ PHA DUNG DỊCH TẠO BỌT Z225/450
XE ĐẨY DUNG DỊCH TẠO BỌT DF130

WARRANTY HỢP ĐỒNG BẢO HÀNH

PACIFIC AND FIRE AEC Co., Ltd. WARRANTY TERMS

Điều kiện : Công ty TNHH PACIFIC AND FIRE AEC bảo hành toàn diện 1 năm cho tất cả các sản phẩm do công ty phân phối, hợp đồng bảo hành sản phẩm là sự đồng ý giữa bên bán và bên mua, thời gian bảo hành 365 ngày tính từ ngày giao hàng. Việc bảo hành sản phẩm mà quý khách đã mua phải sử dụng đúng với mục đích và theo nguyên tắc sử dụng của sản phẩm, bao gồm cả việc bảo quản và bảo trì theo hướng dẫn sử dụng và được sử dụng an toàn bởi người đã được tập huấn cách sử dụng.

Ngoại lệ : Bảo hành toàn diện 1 năm/ bao gồm cả sự hao mòn trong sản phẩm và công việc thủ công trong khi lắp rắp, ngoại trừ những lý do sau đây : Sự mất mát hoặc sai lệch do tai nạn, thiếu sự bảo quản và chăm sóc, sử dụng không đúng mục đích, không an toàn, không đúng cách, hư hỏng theo thường lệ hoặc bảo quản không đúng nơi quy định, việc sửa chữa hoặc thay thế sản phẩm bởi người khác mà không phải là nhân viên của công ty thì việc bảo hành sẽ không hợp lệ.

Các yêu cầu bảo hành : Khi sử dụng quyền bảo hành khách hàng phải gửi sản phẩm về công ty TNHH PACIFIC AND FIRE AEC sau khi công ty đã nhận được sản phẩm thì sẽ cho thợ kiểm tra nguyên nhân của sự hư hỏng, sau khi tóm tắt nguyên nhân hư hỏng. Công ty sẽ gửi tài liệu tóm tắt cho khách hàng để xác định sản phẩm nằm trong diện được bảo hành hay ngoại lệ.
1.Nếu như sản phẩm nằm trong diện được bảo hành. Công ty TNHH PACIFIC AND FIRE AEC sẽ sửa chữa hoặc thay thế phụ tùng nào đó cho phù hợp để sản phẩm có thể được sử dụng lại bình thường.
2.Nếu như sản phẩm hư hỏng nằm ngoài diện được bảo hành thì bên công ty sẽ gửi tài liệu kèm theo hình ảnh để chứng minh sự hư hỏng do sử dụng không đúnh cách như thế nào và sẽ gửi phiếu định giá chi phí cho việc sửa chữa.

Chi phí : Đối với các sản phẩm hư hỏng được gửi về công ty, nếu nằm trong khu vực Bangkok hoặc vùng lân cận bên công ty sẽ đến nhận hàng tận tay, nếu trong trường hợp sản phẩm nằm ở ngoại tỉnh thì khách hàng phải gửi sản phẩm về công ty TNHH PACIFIC AND FIRE AEC 51/193 tổ 1, hẻm Wat-bangsrimuang, đường thanamnon, ấp Bangsrimuang, quận muang nonthaburi, tỉnh Nonthaburi 11000. Sau khi đưa ra phương án sửa chữa xong thì công ty sẽ gửi lại sản phẩm cho khách hàng ngay sau đó.

Các bước gửi đi sửa chữa : Công ty có thể sửa chữa tất cả các loại sản phẩm do công ty phân phối và bảo hành sửa chữa theo điều kiện đã đề ra.
Các bước trong việc sửa chữa : khách hàng phải gửi sản phẩm về công ty và chi phí cho công việc tháo gỡ và kiểm tra cơ bản cho các loại sản phẩm bắt đầu từ 500 bath và chi phí cho việc kiểm tra bằng máy nén khí có phí đặt cọc 5000 bath, sau khi bên công ty định giá và khách hàng đồng ý cho phép sửa chữa thì phí đặt cọc 500 bath hay 5000 bath sẽ được bao gồm với phí sửa chữa thật. Nếu khách hàng quyết định không sửa chữa thì bên công ty sẽ thu phí đặt cọc bằng tiền mặt ngay sau khi hoàn trả sản phẩm cho khách hàng.

Những ngoại lệ trong việc chịu trách nhiệm cho sự hư hỏng khác :
Việc bảo hành có giới hạn cho việc sửa chữa và thay thế phụ tùng bị hư hại phụ thuộc vào sự quyết định chung của cả bên bán và nhà sản xuất. Việc yêu cầu bồi thường do bị hư hại trong khu vực làm việc, do nhân viên làm việc hoặc sự mất mát do thiết bị nằm trong khu vực làm việc không nằm trong điều kiện bảo hành đã được đưa ra. Sự đồng ý đặt mua hàng và dịch vụ tại công ty TNHH và phân phối PACIFIC AND FIRE AEC chứng minh cho việc khách hàng sẽ hiểu và sẽ thực hiện theo tất cả các nguyên tắc đã đưa ra trong phiếu đồng ý bảo hành này.

PACIFIC AND FIRE AEC Co., Ltd.

HEAD OFFICE

PACIFIC AND FIRE AEC Co.,Ltd.

SỐ 51/193 ẤP 1 HẺM WAT-BANGSRIMUANG, ĐƯỜNG THANAM – NON, THỊ TRẤN BANG SRIMUANG, QUẬN MUANG, TỈNH NONTHABURI 11000, THAILAND

TEL. (+66 2) 038 5840 – 41 FAX. (+66 2) 886 7585

Dịch vụ khách hàng : Cứu hỏa và Cứu hộ

Điện thoại di động : (+66 81) 850 0344, (+66 81) 754 3196
E-mail : csfire@pacificandfire.com
Lind ID : pacific-fire, fireandrescue

Dịch vụ khách hàng : thiết bị bảo hộ và công nghiệp

Điện thoại di động : (+66 81) 917 2049
E-mail : customer@eis-pacific.com
Lind ID : eis-pacific

www. pacificandfire.com www. eis-pacific.com